

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, giữa các thành phần kinh tế có sự cạnh tranh gay gắt. Chính vì vậy đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn vận động, tìm hiểu biện pháp nâng cao chất lượng và đồng thời hạ giá thành sản phẩm để có thể cạnh tranh được với sản phẩm của các doanh nghiệp khác trên thị trường. Đây chính là yêu cầu cần thiết giúp doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thành công và thực sự có lãi. Để làm được điều này doanh nghiệp phải sử dụng nhiều công cụ khác nhau, trong đó có kế toán mà đặc biệt là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Có thể nói chi phí sản xuất là "đầu vào" của cả quá trình sản xuất, vì vậy tiết kiệm chi phí sản xuất là tiền đề để hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng, tăng lợi nhuận cho bản thân doanh nghiệp cũng như toàn xã hội. Cho nên công tác hạ giá thành sản phẩm đã trở thành một nhân tố quyết định sự sống còn của các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp xây dựng cơ bản - ngành tạo ra và trang bị TSCĐ cho các ngành kinh tế quốc dân khác. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một phần hành cơ bản của công tác hạch toán kế toán, là cơ sở để giám đốc các hoạt động của doanh nghiệp, từ đó khắc phục những tồn tại, phát huy những tiềm năng để đảm bảo cho công ty tồn tại và phát triển trong cơ chế hạch toán kinh doanh của nền kinh tế thị trường. Đồng thời nó cũng là cơ sở để nhà nước kiểm soát vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thu thuế.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian ngắn tìm hiểu thực tế công tác tại công ty xây dựng TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp em xin mạnh dạn lựa chọn đề tài: " Tổ chức hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp".

Luận văn tốt nghiệp gồm 3 phần:

Phần 1: Lý luận chung về tổ chức hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong đơn vị kinh doanh xây dựng cơ bản.

Phần 2: Tình hình thực tế về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp.

Phần 3: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp.

Do thời gian thực tập và kiến thức thực tế còn hạn chế nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vậy em mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo để luận văn tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong bộ môn kế toán trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, các chú trong phòng Tài chính- kế toán Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp, và đặc biệt là Thầy giáo - đã giúp em rất nhiều để em có thể hoàn thành luận văn này.

Sinh viên:

Nguyễn thị thu Hằng

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

1.1 Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1 Khái niệm và bản chất của chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1.1 Khái niệm và bản chất của chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định(tháng, quý, năm).

Quá trình sản xuất của một doanh nghiệp là quá trình tạo ra các sản phẩm theo yêu cầu của thị trường. Đó chính là quá trình mà doanh nghiệp kết hợp hài hòa giữa ba yếu tố cơ bản của một quá trình sản xuất: tư liệu lao động, đối tượng lao động và lao động sống. Sự hình thành nên các chi phí sản xuất để tạo ra giá trị sản phẩm là tất yếu khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Chi phí sản xuất phát sinh có tính chất thường xuyên và gắn liền với quá trình sản xuất. Chi phí của doanh nghiệp vận động qua ba giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh: Cung cấp - sản xuất - tiêu thụ. Như vậy, Chi phí sản xuất nằm trong quá trình sản xuất, ngoài ra còn có những chi phí không tính vào chi phí sản xuất như hoạt động quảng cáo, mang tính chất sự nghiệp...

Việc làm rõ khái niệm, bản chất của chi phí sản xuất trong doanh nghiệp giúp kế toán tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp từ đó phát huy được chỉ tiêu giá thành trong công tác quản lý, kiểm tra, giám đốc quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Khái niệm và bản chất giá thành sản phẩm xây lắp

Quá trình sản xuất là một quá trình thống nhất bao gồm 2 mặt: Mặt hao phí sản xuất và mặt kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất mới chỉ là một mặt thể hiện sự hao phí. Để đánh giá chất lượng sản xuất kinh doanh cần xem xét chi phí trong mối quan hệ với kết quả đầu ra của một quá trình sản xuất - đó là sản phẩm hoàn thành.

Quan hệ so sánh này đã hình thành nên chỉ tiêu giá thành sản phẩm và đây cũng là vấn đề cơ bản của quá trình sản xuất.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Trong xây dựng cơ bản, giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền về vật liệu nhân công, sử dụng máy thi công và các phí tổn khác để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp nhất định. Trong đó, sản phẩm xây lắp có thể là kết cấu công việc hoặc là giai đoạn công việc có thiết kế và tính dự toán, có thể là công trình hay hạng mục công trình.

Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong suốt quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đang thực hiện nhằm đạt được mục đích sản xuất khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí bỏ ra thấp nhất. Giá thành còn là căn cứ để tính toán xác định hiệu quả kinh tế các hoạt động sản xuất cũng như hiệu quả quản trị chi phí của doanh nghiệp.

1.1.2 Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

Sản phẩm của ngành xây lắp thường có giá trị lớn, chi phí để đầu tư cho xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng đáng kể trong các khoản chi phí của Ngân sách nhà nước. Để đảm bảo vốn đầu tư được quản lý chặt chẽ và sử dụng một cách có hiệu quả, hoạt động xây dựng cơ bản phải đáp ứng được yêu cầu sau:

+ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản phải tạo ra được những sản phẩm được xã hội chấp nhận về giá cả và chất lượng, đầu tư được những mục tiêu phát triển của xã hội trong từng thời kỳ.

+ Thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đẩy nhanh tiến độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

+ Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài vào Việt Nam, khai thác tốt tài nguyên, tiềm năng lao động, đất đai, bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Xây dựng phải theo quy hoạch được duyệt, thiết kế hợp lý, mỹ quan, công nghệ hiện đại, xây dựng đúng tiến độ, chất lượng cao với giá cả hợp lý và phải thực hiện bảo hành công trình.

1.1.3 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Trong công tác quản lý doanh nghiệp, chi phí và giá thành của một sản phẩm là một trong những yếu tố hàng đầu luôn được các nhà lãnh đạo phân tích đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu định mức, dự toán tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn có hiệu quả, tiết kiệm hay lãng phí.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

+ Căn cứ vào các đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm, vận dụng các phương pháp tính giá thành thích hợp.

+ Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo đúng đối tượng tập hợp chi phí đã xác định, bằng phương pháp thích hợp đã chọn, cung cấp kịp thời chính xác số liệu thông tin tổng hợp các khoản mục chi phí và yếu tố chi phí quy định, xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

+ Định kỳ tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí và dự toán chi phí, tình hình thực hiện các kế hoạch giá thành, phát hiện kịp thời khả năng tiềm tàng đề xuất biện pháp thích hợp để phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

1.2 Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

1.2.1 Phân loại chi phí sản xuất

Các chi phí doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm nhiều khoản, khác nhau cả về nội dung kinh tế, tính chất, công dụng, vai trò, vị trí... Do đó, để quản lý và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các định mức chi phí, đáp ứng yêu cầu của kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy hơn nữa vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán đối với sự phát triển của doanh nghiệp thì cần phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất. Phân loại chi phí sản xuất là việc sắp xếp chi phí sản xuất vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những đặc trưng nhất định.

Chi phí sản xuất kinh doanh có thể được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau tùy thuộc vào mục đích và yêu cầu công tác quản lý. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, chi phí sản xuất thường được phân loại theo các tiêu thức sau:

1.2.1.1 Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí (hay phân loại chi phí theo sản xuất theo yếu tố)

Theo cách phân loại này, căn cứ vào tính chất nội dung kinh tế của chi phí sản xuất để chia ra các yếu tố chi phí, mỗi yếu tố chi phí chỉ bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế, không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh.

Đối với doanh nghiệp xây lắp, toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được chia thành các yếu tố:

+ Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm toàn bộ các chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ như: Xi măng, cát, gạch, sắt thép, sơn ve, cọc, các phụ gia...

+ Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất: Quần áo bảo hộ lao động, mặt nạ hàn, ván khuôn....

+ Chi phí nhiên liệu, động lực: xăng, dầu, mỡ, khí nén...

+ Chi phí lương và các khoản trích theo lương của công nhân viên chức, công nhân trực tiếp sản xuất và công nhân thuê ngoài.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: Bao gồm toàn bộ số tiền trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp như nhà xưởng, nhà làm việc, máy móc, thiết bị... sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã trả về các loại dịch vụ mua từ bên ngoài như: tiền điện, nước, tiền bưu phí... phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

+ Chi phí khác bằng tiền: Bao gồm toàn bộ chi phí khác bằng tiền phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí có tác dụng rất lớn trong quản lý chi phí sản xuất. Nó cho biết kết cấu tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất và lập kế hoạch cung ứng vật tư, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức. Đối với công tác kế toán nó là cơ sở để tổ chức việc tập hợp chi phí sản xuất theo yếu tố, giám đốc tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất đồng thời là cơ sở để tính toán thu nhập.

1.2.1.2 Phân loại theo mục đích công dụng của chi phí

Theo cách phân loại này, bao gồm các khoản mục chi phí sau:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : là toàn bộ những chi phí về nguyên vật liệu cấu thành nên thực thể sản phẩm, công trình như nguyên vật liệu chính(cát, sỏi, xi măng), vật liệu phụ(sơn, phụ gia..) các cấu kiện bê tông lẻ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Là toàn bộ tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, và các khoản trích cho các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

+ Chi phí sản xuất chung: Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý phân xưởng , chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho việc quản lý sản xuất, chi phí công cụ dụng cụ cho việc thi công, chế tạo sản phẩm, chi phí khấu hao tài sản cố định, thiết bị dùng cho quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

Việc phân loại này là cơ sở để kế toán cho phí sản xuất tính giá thành sản phẩm theo từng khoản mục chi phí, kiểm tra tình hình thực hiện giá thành kế hoạch và đây cũng là căn cứ để lập kế hoạch giá thành theo khoản mục kỳ sau.

1.2.1.3 Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tính nhập chi phí vào giá thành

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia làm 2 loại sau:

+ Chi phí trực tiếp: là những chi phí sản xuất phát sinh liên quan trực tiếp với việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định. Đối với loại chi phí này, kế toán có thể căn cứ vào số liệu chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

+ Chi phí gián tiếp: Là chi phí liên quan đến nhiều loại sản phẩm, công trình do đó người ta phải dùng phương pháp phân bổ gián tiếp chi phí này cho các loại sản phẩm đã sản xuất ra theo một tiêu thức thích hợp.

Cách phân loại này có ý nghĩa đối với việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách hợp lý.

1.2.1.4 Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ chi phí với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành

Căn cứ vào mối quan hệ giữa chi phí sản xuất kinh doanh với khối lượng hoạt động, chi phí được chia thành:

+ Chi phí biến đổi: Là những khoản chi phí có sự thay đổi về tổng số, về tỷ lệ so với khối lượng công việc hoàn thành. Thuộc loại chi phí này bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp... Cần lưu ý rằng biến phí khi tính cho một đơn vị sản phẩm thì có tính cố định

+ Chi phí cố định: Là các khoản chi phí không thay đổi về tổng số so với khối lượng công việc hoàn thành hay nói cách khác là những chi phí không tăng giảm khi khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ tăng lên hay giảm đi. Tuy nhiên định phí khi tính cho một đơn vị sản phẩm thì lại thay đổi. Thuộc loại chi phí này bao gồm chi phí về khấu hao tài sản cố định, Chi phí thuê mặt bằng, chi phí quảng cáo, tiền lương của bộ phận quản lý phục vụ...

Việc phân loại chi phí sản xuất kinh doanh thành biến phí và định phí có tác dụng lớn đối với việc quản trị kinh doanh, Phân tích điểm hòa vốn và phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1.2.2 phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Để đáp ứng yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, vị trí tính toán khác nhau. Giá thành sản phẩm xây lắp được phân loại như sau:

1.2.2.1 Phân loại theo thời điểm và nguồn số liệu để tính giá thành sản phẩm.

Chỉ tiêu giá thành được chia thành các loại sau:

+ Giá thành dự toán công tác xây lắp

Giá thành dự toán là chi phí cao nhất mà xã hội cho phép để hoàn thành công tác xây lắp. Là loại giá thành được xác định dựa trên cơ sở các định mức của nhà nước và khung giá thành quy định cho từng lãnh thổ.

$$\text{Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình} = \text{Khối lượng xây lắp thực tế} * \text{Đơn giá dự toán}$$

$$\text{Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình} = \text{Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình} * \text{Lợi nhuận định mức}$$

+ Giá thành kế hoạch

Việc tính toán, xác định giá thành kế hoạch được thực hiện trước khi tiến hành quá trình sản xuất kinh doanh (xây lắp) do bộ phận kế toán, kế hoạch thực hiện. Giá thành kế hoạch được tính toán trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Đây được xem là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp và cũng là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, kế hoạch hạ giá thành xây lắp, phản ánh trình độ quản lý giá thành của doanh nghiệp.

$$\text{Giá thành kế hoạch từng công trình, hạng mục công trình} = \text{Giá thành dự toán từng công trình, hạng mục công trình} * \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

+ Giá thành định mức

Cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch. Vì thế, giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

+ Giá thành thực tế

Việc tính toán giá thành thực tế được xác định sau khi đã hoàn thành việc sản xuất sản phẩm căn cứ vào chi phí thực tế đã phát sinh.

Giá thành thực tế của sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế - tổ chức kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất, là cơ sở để xác định giá trị sản phẩm, giá bán sản phẩm và để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của doanh nghiệp.

$$\text{Giá thành thực tế} = \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}$$

Về nguyên tắc ba loại giá thành trên phải đảm bảo mối quan hệ sau:

$$\text{Giá thành dự toán} \geq \text{Giá thành kế hoạch} \geq \text{Giá thành thực tế}$$

Việc so sánh giá thành thực tế với giá thành dự toán cho phép đánh giá trình độ của doanh nghiệp trong mối quan hệ với các doanh nghiệp xây lắp khác. Việc so sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho phép đánh giá sự tiến bộ hay yếu kém của doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất và trình độ quản lý.

1.2.2.2 Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí

Theo phạm vi phát sinh chi phí, giá thành được chia thành các loại sau:

+ Giá thành sản xuất: Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, hoàn thành hạng mục công trình hay từng khối lượng công việc.

Giá thành sản xuất bao gồm các chi phí sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cho từng công trình hay từng khối lượng công việc. Giá thành sản xuất sản phẩm là cơ sở để tính giá vốn hàng bán và lãi gộp của doanh nghiệp sản xuất.

+ Giá thành toàn bộ: Bao gồm giá thành sản xuất sản phẩm cộng thêm chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho hạng mục công trình, từng sản phẩm. Giá thành toàn bộ của sản phẩm chỉ được xác định khi hạng mục công trình hay khối lượng công trình được hoàn thành và bàn giao.

Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây dựng để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của công ty xây dựng, giá thành công tác xây lắp còn được theo dõi trên hai chỉ tiêu: Giá thành của sản phẩm xây lắp hoàn chỉnh và giá thành khối lượng hoàn thành quy ước tùy theo phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

1.3 Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1 Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Trong các doanh nghiệp xây lắp nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất là các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến đối tượng nào (Công trình, hạng mục công trình...) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng (Công trình hạng mục công trình...) đó. Đối với các chi phí không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng vì liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí thì sẽ tập hợp chung sau đó phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

1.3.2 Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.2.1 Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là công việc đầu tiên và quan trọng của công tác tổ chức kế toán quá trình sản xuất. Đó là việc xác định giới hạn để tập hợp các chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các loại chi phí được tập hợp trong một giới hạn nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí và giá thành sản phẩm. Đối tượng tập hợp chi phí là căn cứ để mở các tài khoản, sổ chi tiết cho từng đối tượng nhằm tăng cường quản lý chi phí sản xuất và thực hiện chế độ hạch toán chi phí trong đơn vị.

Để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phải căn cứ vào những đặc điểm cơ bản sau:

- + Loại hình sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt
- + Đặc điểm tổ chức: Tổ chức sản xuất có phân xưởng, bộ phận, công trường sản xuất hay không
- + Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp
- + Đặc điểm của sản phẩm và yêu cầu của công tác tính giá thành sản phẩm

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí đúng, phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn, giúp kế toán chi phí tổ chức hợp lý từ khâu hạch toán ban đầu, tổ chức tài khoản và sổ sách chi tiết theo đúng đối tượng xác định. Mặt khác sản phẩm xây lắp có chu trình công nghệ phức tạp, loại hình sản xuất đơn chiếc, thời gian thi công dài nên tùy thuộc vào công việc cụ thể và trình độ quản lý của doanh nghiệp mà đối tượng tập hợp chi phí khác nhau. Đối tượng tập hợp chi phí có thể là : Công trình, hạng mục công trình, đơn đặt hàng (hợp đồng xây dựng)...

1.3.2.2 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Do có sự khác nhau về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất nên để đáp ứng yêu cầu tập hợp chi phí theo từng đối tượng đòi hỏi phải có phương pháp hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với từng đối tượng.

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay cá hệ thống phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm

vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Trong doanh nghiệp xây lắp các phương pháp hạch toán hạch toán chi phí thường được áp dụng là :

*** Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo công trình hoặc hạng mục công trình**

Áp dụng khi đối tượng hạch toán chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ công trình hay hạng mục công trình. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới hạng mục công trình hay nhóm công trình nào thì tập hợp chi phí cho công trình đó bằng phương pháp trực tiếp hay gián tiếp.

*** Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng**

Theo phương pháp này chi phí sản xuất phát sinh theo đơn đặt hàng riêng biệt. Khi đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng số chi phí tập hợp theo đơn đặt hàng đó là giá thành thực tế của sản phẩm, khối lượng công việc hoàn thành theo đơn đặt hàng . Đơn đặt hàng có thể chỉ là một công trình, hạng mục công trình.

*** Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn vị thi công**

Theo phương pháp này các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng đơn vị thi công. Trong mỗi đơn vị thi công chi phí sản xuất được tập hợp theo từng đối tượng chịu chi phí như: hạng mục công trình, công trình, nhóm hạng mục công trình...Cuối tháng tổng số chi phí phát sinh ở từng đơn vị thi công được so sánh với dự toán để phục vụ hạch toán nội bộ. Khi áp dụng phương pháp này thì giá thành sản phẩm có thể xác định bằng phương pháp trực tiếp, tổng cộng, hệ số, tỷ lệ...

*** Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo khối lượng công việc hoàn thành**

Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ nhất định được tập hợp cho đối tượng tập hợp chi phí . giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công tác xây lắp đó. Với các phương pháp này, kế toán phải căn cứ vào đối tượng tập hợp chi phí sản xuất , điều kiện đảm bảo, sử dụng vật tư, lao động, trình độ quản lý và hạch toán của đơn vị để lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích hợp nhất, đem lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.

1.3.3 Tổ chức chứng từ, tài khoản trong kê toán chi phí sản xuất xây lắp.

1.3.3.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong xây lắp là những chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu...được xuất trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được xây dựng định mức chi phí hoặc dự toán chi phí và tổ chức quản lý chúng theo định mức hoặc dự toán.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn từ 60% đến 70% trong tổng chi phí xây lắp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hạch toán cho công trình là giá thực tế của nguyên vật liệu(xi măng, đá, cát, phụ gia...), vật kiến trúc(bê tông, sắt, thép...) vật liệu phụ (óc, vít, sơn...) dựa trên chứng từ gốc về số lượng và giá trị vật liệu đã sử dụng. Vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình, công trình nào phải tính trực tiếp cho công trình ấy. Giá trị vật liệu nói trên bao gồm cả chi phí thu mua, vận chuyển tới chân công trình và hao hụt trong định mức của quá trình vận chuyển, bảo quản.

* **Tài khoản kế toán sử dụng:** Để theo dõi các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng: tài khoản 621- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí nguyên vật liệu liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, lắp đặt(công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc, khối lượng xây lắp có dự toán riêng).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong định mức được hạch toán vào tài khoản 621 nhưng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt định mức được hạch toán vào tài khoản 632.

TK 621 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí. Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản có liên quan như TK 152,TK 153,TK 111, TK 112,TK 331...

* **Chứng từ kế toán sử dụng**

Để tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng phiếu xuất kho, Bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ...

Đối với nguyên vật liệu trực tiếp việc tập hợp cho các đối tượng chịu chi phí có thể thực hiện theo một trong hai phương pháp sau:

+ Phương pháp trực tiếp: Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chỉ liên quan đến một đối tượng chịu chi phí.

+ Phương pháp gián tiếp : Đối với trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí. Trường hợp này, việc phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tiến hành như sau;

- Trước hết tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

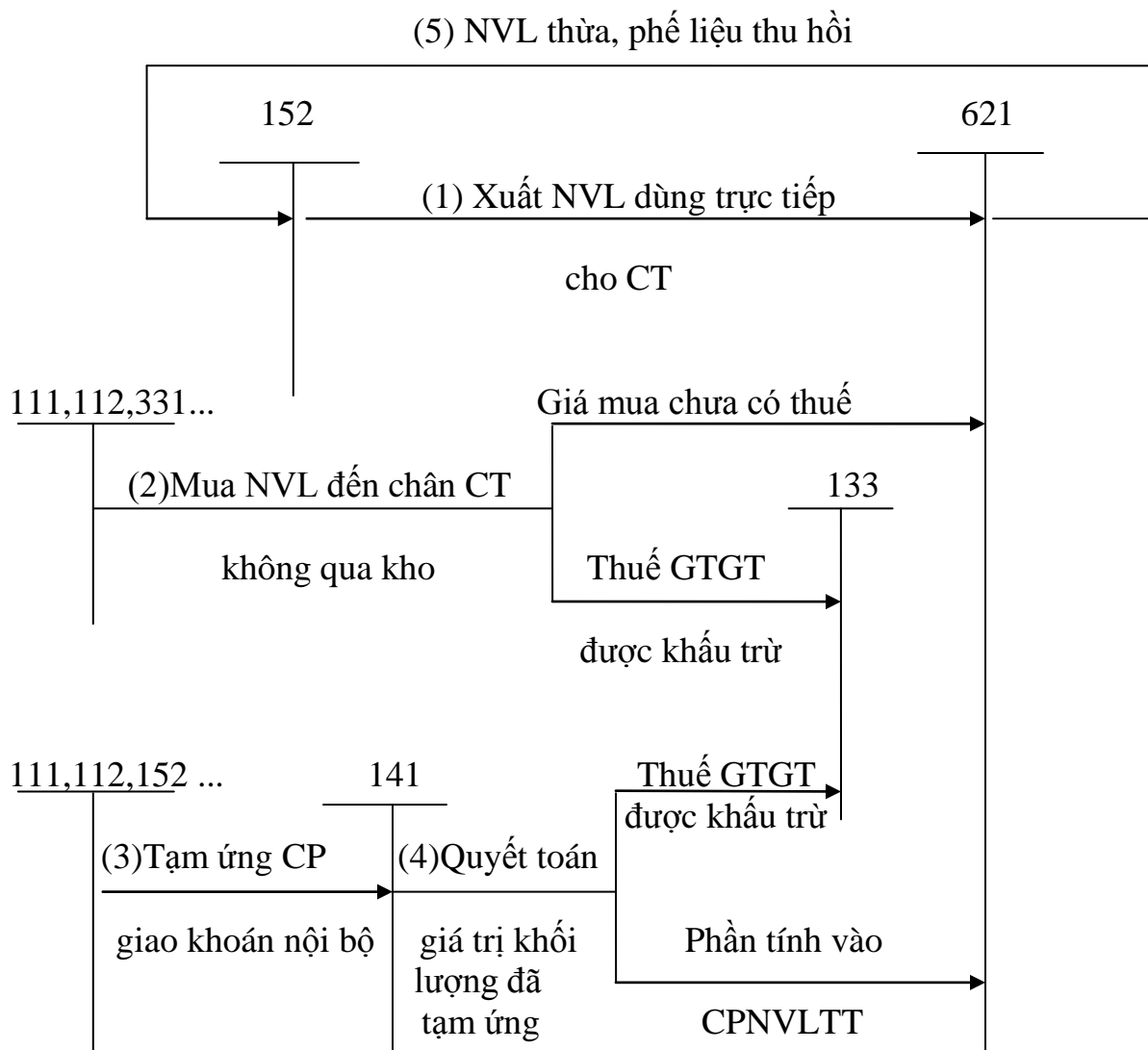
- Lựa chọn tiêu thức phân bổ rồi xác định số chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phân bổ cho từng đối tượng:

$$\text{CPNVLTT phân bổ cho đối tượng } i = \frac{\text{Tổng CPNVLTT}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} * \text{Tiêu thức phân bổ của đối tượng } i$$

Các tiêu thức lựa chọn để phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có thể là: chi phí định mức, chi phí kế hoạch, khối lượng hoạt động

*** Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Sơ đồ 1.1: Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.3.3.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm.

Chi phí nhân công trực tiếp phản ánh chi phí liên quan đến nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất xây lắp bao gồm: tiền lương chính, lương phụ, trợ cấp thường xuyên, tiền công phải trả của công nhân trực tiếp thi công.

* Tài khoản kế toán sử dụng:

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản này dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

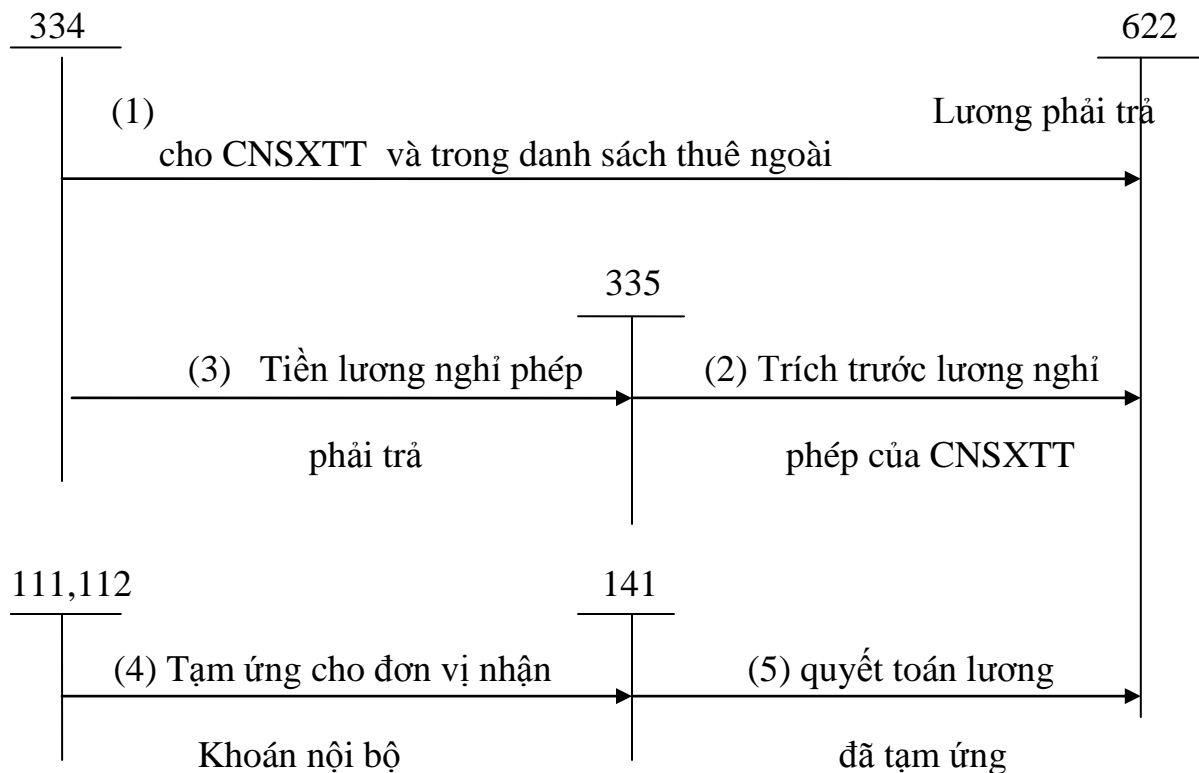
TK 622 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Đối với chi phí nhân công trực tiếp trong định mức được hạch toán vào TK 622 nhưng chi phí nhân công trực tiếp vượt định mức hạch toán vào TK 632.

* **Chứng từ kế toán sử dụng:** Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng Bảng khối lượng công việc, Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương...

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí liên quan. Trong trường hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng thì được phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí có liên quan theo các tiêu chuẩn thích hợp như : chi phí tiền công định mức(hoặc kế hoạch), giờ công định mức hoặc giờ công thực tế theo từng công việc cụ thể.

*Trình từ kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty xây lắp**1.3.3.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm toàn bộ các chi phí về nhân công, vật liệu, dụng cụ sản xuất, khấu hao máy thi công ...dùng trực tiếp cho quá trình sử dụng máy thi công của doanh nghiệp.

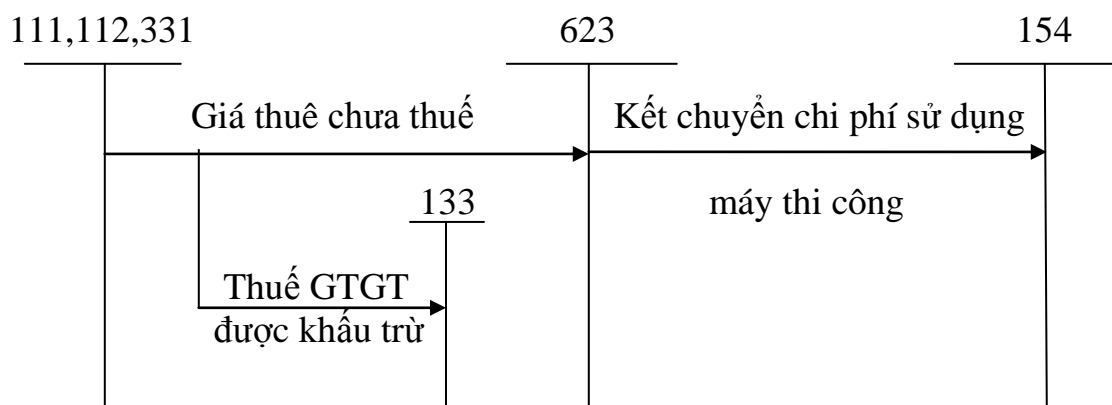
Chi phí sử dụng máy thi công dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

***Tài khoản kế toán sử dụng:**

Để theo dõi chi phí sử dụng máy thi công, kế toán sử dụng tài khoản 623 - Chi phí sử dụng máy thi công. TK này được mở các tài khoản cấp 2 theo từng nội dung chi phí.

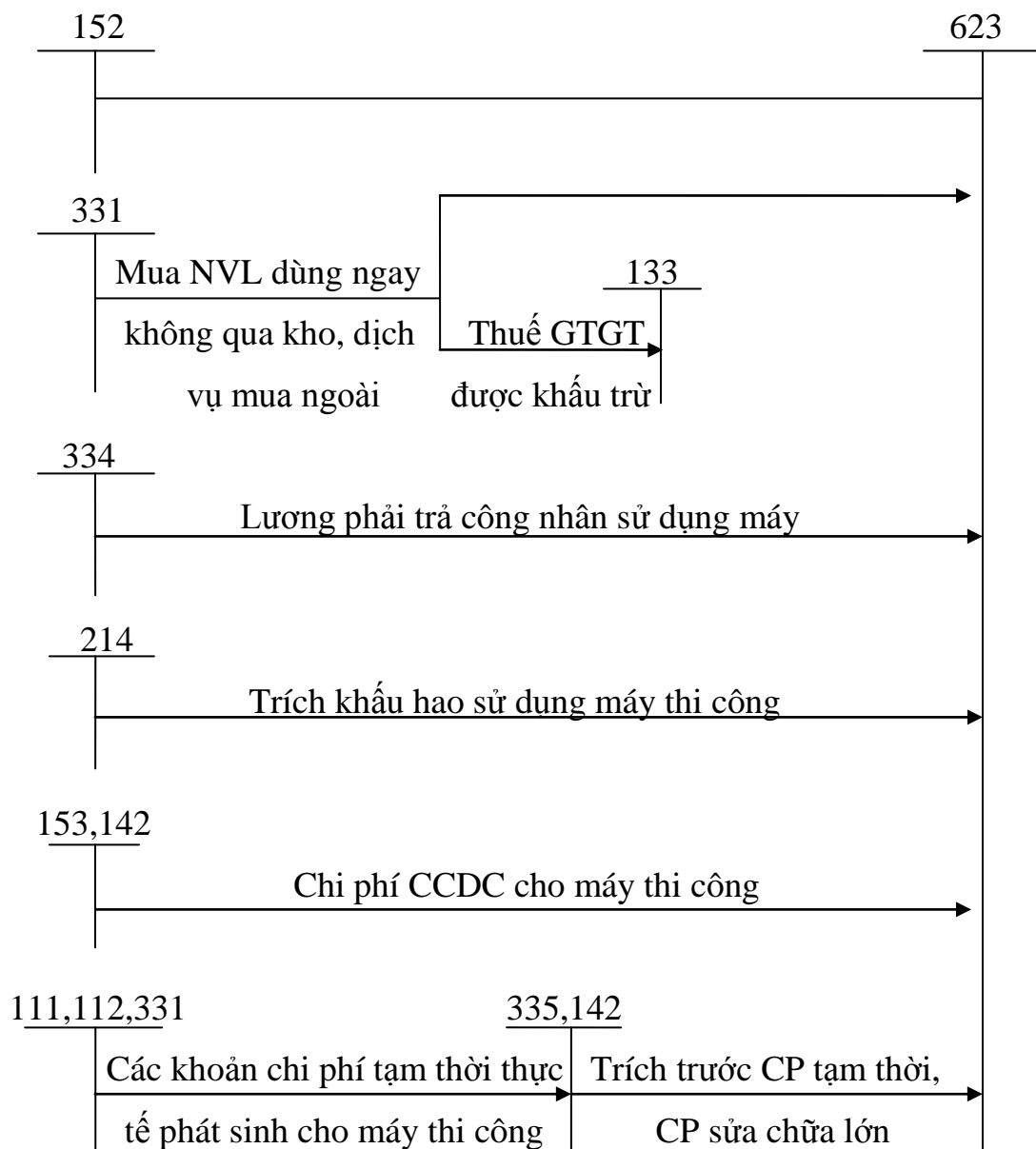
*** Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

+ Trường hợp máy thi công thuê ngoài

Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công thuê ngoài

+ Trường hợp từng đội xây lắp có máy thi công riêng : Nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công. Các chi phí liên quan tới máy thi công được tập hợp riêng, cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình).

**Sơ đồ 1.4 : Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công
cho trường hợp đội xây lắp có máy riêng**



1.3.3.4 Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí quản lý và phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp. Đây là những chi phí phát sinh trong từng bộ phận, từng từng đội xây lắp như: tiền lương nhân viên quản lý thi công, BHXH, BHYT, KPCĐ tính theo tỷ lệ nhất định trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên quản lý, nhân viên kỹ thuật... chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí khác bằng tiền.

* Tài khoản kế toán sử dụng: Tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung

TK này dùng để tập hợp toàn bộ chi phí của đội, công trình liên quan đến việc phục vụ tạo ra sản phẩm.

TK 627 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng nội dung chi phí nêu trên.

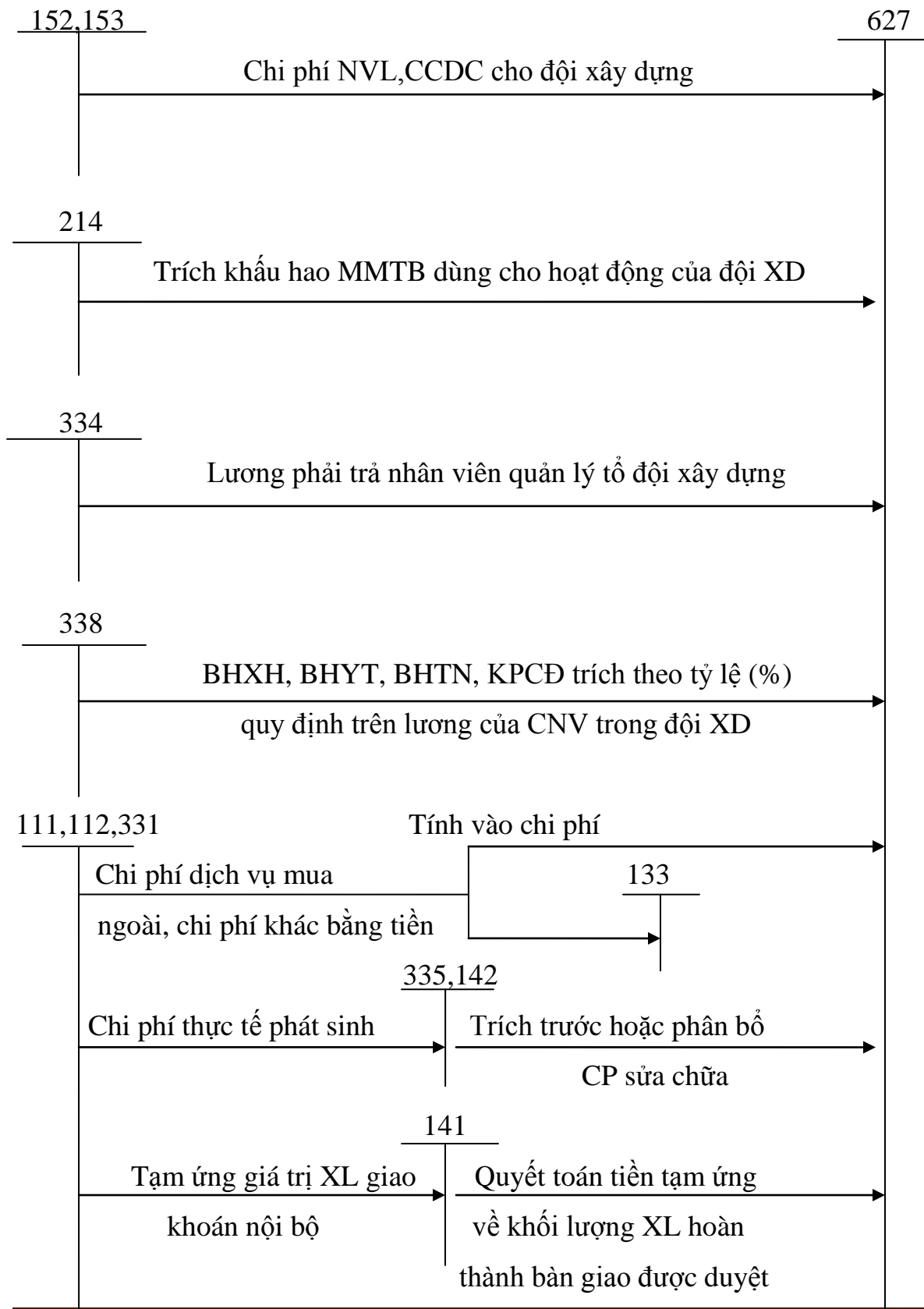
Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản có liên quan: TK 334, TK 338, TK 152, TK 153, TK 141, TK 111, TK 112...

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, tiến hành phân bổ theo tiêu chuẩn hợp lý.

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ cho đối tượng } i = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} * \text{Tiêu thức phân bổ của đối tượng } i$$

* Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung

Sơ đồ 1.5 Hạch toán chi phí sản xuất chung



1.3.4 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Các chi phí sau khi tập hợp riêng theo từng khoản mục cần được chuyển để tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp và theo dõi chi tiết các đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

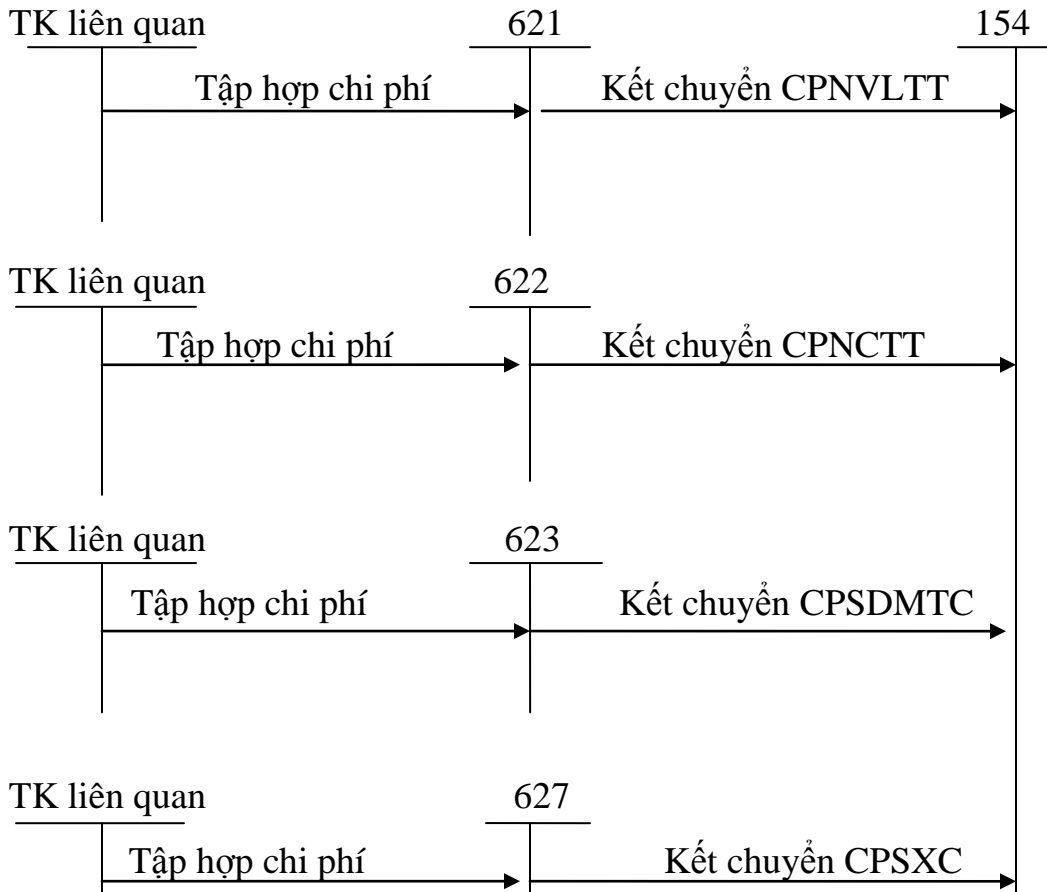
* **Tài khoản kế toán sử dụng:** Để tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp kế toán sử dụng Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Và các tài khoản liên quan: TK 621, TK 622, TK 623, TK 627.

Các chi phí sản xuất sau khi tập hợp riêng theo từng khoản mục cần được kết chuyển để tập hợp chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp và theo dõi chi tiết từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

* **Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp**

Sơ đồ 1.6 : Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp



1.4 Tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm

1.4.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp, kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc cần thiết đầu tiên của toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm. Trong xây dựng cơ bản, Do tổ chức sản xuất mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm xây lắp đều có dự toán, thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là *các công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao*.

Việc xác định đối tượng tính giá thành là căn cứ mở các phiếu tính giá thành, tổ chức công tác tính giá thành theo từng đối tượng, phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và tính toán hiệu quả, xác định chính xác thu nhập.

Trên cơ sở đối tượng tính giá thành đã được xác định, căn cứ vào chu kỳ sản xuất sản phẩm, Đặc điểm sản xuất sản phẩm và cách tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp xác định kỳ tính giá thành để đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Kỳ tính giá thành được xác định tùy thuộc vào tính chất sản phẩm cụ thể:

+ Đối với các đơn vị đặt hàng, công việc được coi là hoàn thành thì kỳ tính giá thành bắt đầu từ khi sản xuất theo đơn đặt hàng đến khi hoàn thành đơn đặt hàng đó.

+ Đối với hạng mục công trình xây dựng thì kỳ tính giá thành phụ thuộc vào kỳ thanh toán sản phẩm hoàn thành cho bên giao thầu. Vì vậy, sau khi công trình hoàn thành được nghiệm thu thanh toán mới tính giá thành thực tế của sản phẩm.

+ Đối với công trình lớn, thời gian thi công kéo dài thì chỉ khi nào một bộ phận công trình hoàn thành, có giá trị sử dụng và được bàn giao thanh toán thì mới tính giá thành thực tế sản phẩm.

Như vậy, căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm mà kỳ tính giá thành có thể là thời điểm cuối mỗi tháng, cuối mỗi quý, cuối mỗi năm hoặc là thời điểm kết thúc chu kỳ sản xuất sản phẩm đã hoàn thành...

1.4.2 Công tác kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Để phục vụ cho việc tính giá thành của sản phẩm xây lắp định kỳ (tháng, quý...) doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê khối lượng công việc đã hoàn thành hay còn dở dang.

Do việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ khó đạt được sự chính xác tuyệt đối nên tùy thuộc vào phương thức thanh toán giữa bên nhận thầu và bên giao thầu, kế toán có thể đánh giá sản phẩm dở dang theo các phương pháp sau:

+ Những hạng mục công trình được quy định thanh toán sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang chính là tổng chi phí sản xuất phát sinh từ thời điểm khởi công cho đến thời điểm kiểm kê đánh giá.

+ Những hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn xây dựng thì sản phẩm dở dang là giá trị các giai đoạn xây dựng và lắp đặt, các giai đoạn xây dựng cơ bản chưa hoàn thành được đánh giá theo chi phí sản xuất thực tế tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí sản xuất của giai đoạn xây dựng DD đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng giá dự toán của các giai đoạn xây dựng tính theo mức độ hoàn thành}} * G$$

Trong đó: G : Giá dự toán của các giai đoạn xây dựng dở dang cuối kỳ tính theo mức độ hoàn thành

1.4.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp hay hệ thống các phương pháp sử dụng để tính giá thành sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Nói cách khác, phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được của kế toán để tính giá thành sản phẩm. Hiện nay, trong các doanh nghiệp xây lắp sử dụng một số phương pháp sau:

1.4.3.1 Phương pháp tính giá thành trực tiếp (Phương pháp giản đơn)

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cũng chính là đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Nếu sản phẩm dở dang không có hoặc quá ít và ổn định không cần đánh giá thì tổng chi phí sản xuất tập hợp trong kỳ cho từng đối tượng tính giá thành là tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành.

Nếu cuối kỳ có nhiều sản phẩm dở dang không cố định và cần tổ chức đánh giá sản phẩm dở dang , khi đó công thức tính giá thành là:

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Giá thành sản} & & \textit{Giá trị sản} & & \textit{Giá trị sản} & & \textit{Giá trị sản} \\ \textit{phẩm hoàn} & = & \textit{phẩm dở} & + & \textit{xuất phát} & - & \textit{phẩm dở} \\ \textit{thành trong kỳ} & & \textit{dang đầu kỳ} & & \textit{sinh trong kỳ} & & \textit{dang cuối kỳ} \end{array}$$

1.4.3.2 Phương pháp tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp các doanh nghiệp xây lắp các công trình lớn, phức tạp, do các đội xây dựng khác nhau thực hiện. Đối tượng tập hợp chi phí là các đội sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm cuối cùng.

Theo phương pháp này giá thành sản phẩm được tính theo công thức sau:

$$Z = C_1 + C_2 + \dots + C_n$$

Trong đó: Z : Giá thành sản phẩm, công việc, lao vụ hoàn thành

C_1, C_2, \dots, C_n : Chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hoặc hạng mục công trình.

1.4.3.3 Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dịch vụ xây lắp theo các đơn đặt hàng của khách hàng. Vì vậy, sản xuất kinh doanh được tiến hành theo đơn đặt hàng của khách hàng cho nên đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí thích hợp nhất là theo đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành sản phẩm là mỗi đơn đặt hàng.

Việc tính giá thành sản phẩm dịch vụ xây lắp của mỗi đơn vị đặt hàng chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành. Đối với những đơn đặt hàng chưa hoàn thành, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo đơn đặt hàng đó đều coi như sản phẩm dở dang. Đối với những đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng số chi phí sản xuất tập hợp được theo đơn đặt hàng đó là giá thành thực tế của đơn đặt hàng.

1.4.3.4 Phương pháp tính giá thành theo định mức

Theo phương pháp này, căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành, dự toán công trình được duyệt để tính giá thành định mức, tổ chức hạch toán chi phí sản xuất thực tế phù hợp với định mức và thoát ly định mức, tính giá thành thực tế của sản phẩm.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{định mức sản} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chênh lệch} \\ (-) \text{ định mức} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thay đổi} \\ (-) \text{ định mức} \end{array}$$

Đây là phương pháp tiên tiến phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, kịp thời phát hiện ra các chi phí thoát ly định mức để đưa ra biện pháp khắc phục. Có thể nói phương pháp này phù hợp với ngành xây dựng, Nhưng để phát huy tốt cần có một số điều kiện đi kèm như các định mức kinh tế kỹ thuật tương đối chính xác, trình độ tổ chức và kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành tương đối vững vàng, hệ thống quản lý chính xác, thống nhất trong đơn vị.

1.4.4 Tổ chức kế toán giá thành sản phẩm xây lắp

Trong các doanh nghiệp xây lắp, khi khối lượng công tác xây lắp hoàn thành bàn giao, kế toán xác định giá thành thực tế khối lượng công tác hoàn thành theo công thức:

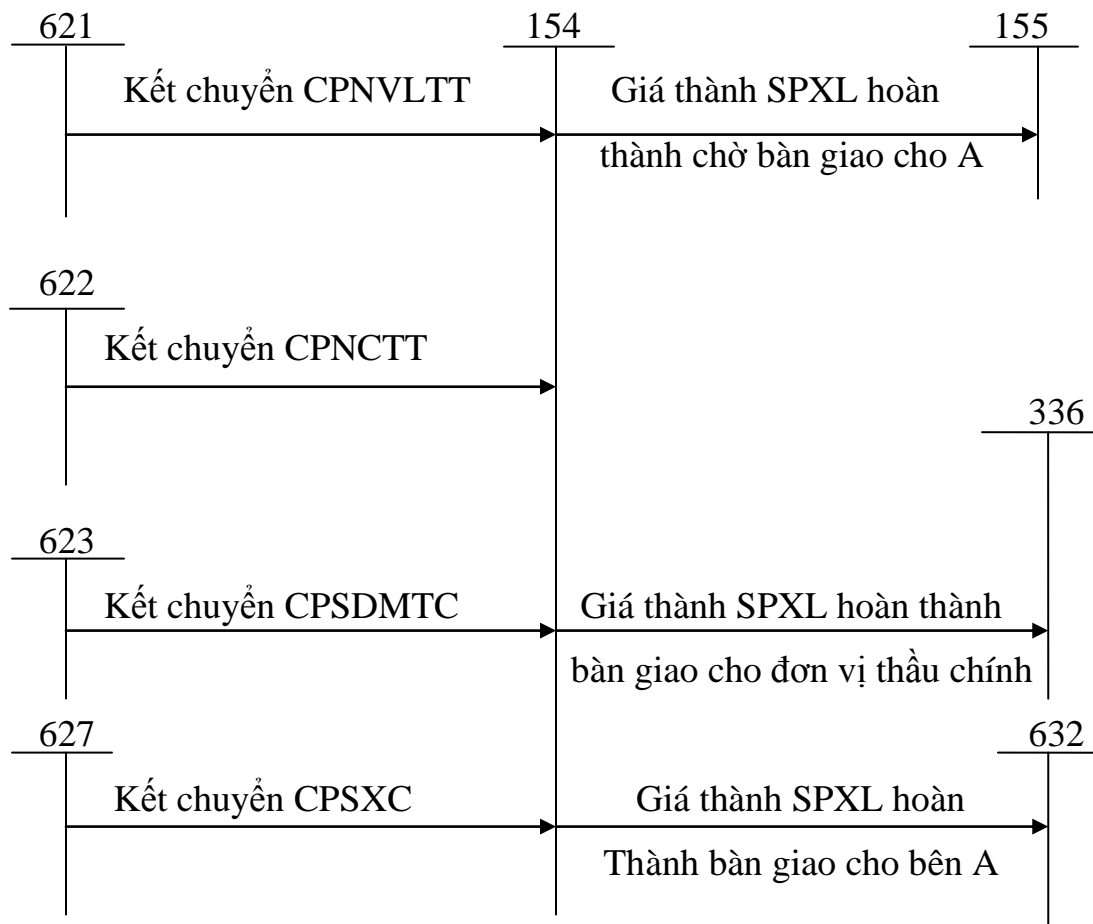
$$\begin{matrix} \text{Giá thành thực tế khối} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{lượng công tác XL} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{xuất phát} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{hoàn thành bàn giao} & & \text{đầu kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{matrix}$$

*** Tài khoản sử dụng:**

Các chi phí phục vụ cho xây lắp công trình, hạng mục công trình được kết chuyển hoặc phân bổ vào tài khoản : TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, để tính giá thành.

Và các tài khoản liên quan: TK 632, TK 155...

Sơ đồ 1.7: Kế toán giá thành sản phẩm xây lắp



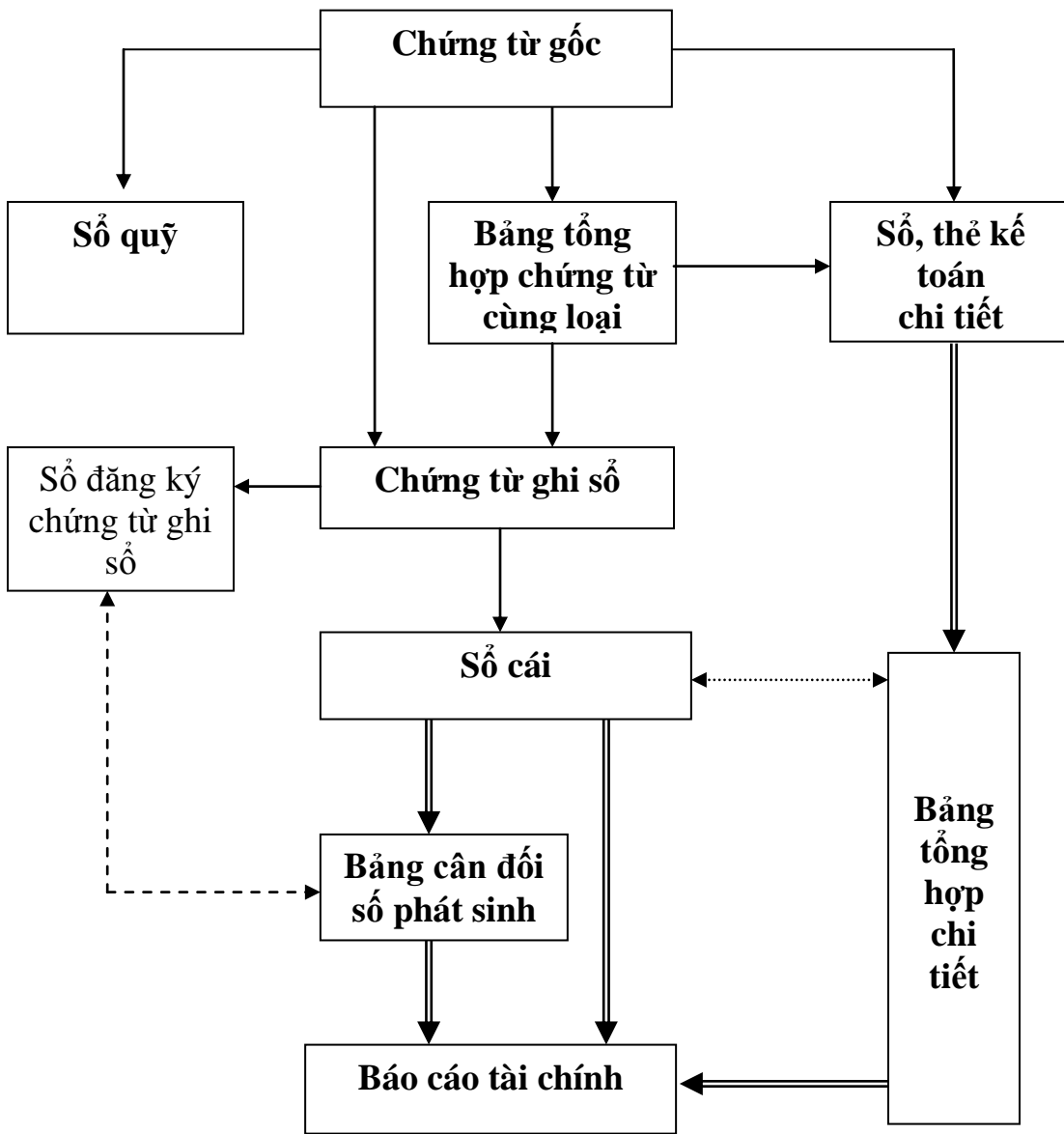
1.5 Tổ chức sổ hệ thống sổ kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp xây lắp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán.

Các doanh nghiệp xây lắp có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán như sau: Nhật ký- Sổ cái, Nhật ký chung, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký - chứng từ.

Do phạm vi luận văn có hạn và để phục vụ cho việc khảo sát thực tế ở đơn vị, em xin trình bày hình thức sổ chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.8 Trình tự hạch toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
 Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐẠI HỢP.

2.1 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh ở công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp

2.1.1 Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp

Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0202000128 ngày 30/10/2000, Giấy chứng nhận Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 18/03/2008 của sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng.

Công ty là một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân hoạt động kinh doanh theo điều lệ của công ty TNHH có 2 thành viên trở lên phù hợp với quy định của luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của công ty gồm:

- Kinh doanh và dịch vụ thương mại.
- Kinh doanh vật liệu điện, vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng hoá thuỷ- bộ.
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp được xây dựng trên nền tảng góp công góp sức của nhiều thành viên có chung ước nguyện và phát triển kinh tế đóng góp cho sự phát triển tốt đẹp của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Ngoài lực lượng cán bộ nòng cốt, công ty đã tập hợp được đông đảo đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp,

gia công, lắp đặt kết cấu thép, gia công thiết bị phi tiêu chuẩn, và lắp đặt thiết bị máy móc chuyên dùng, dây chuyền công nghệ, thiết bị đồng bộ.

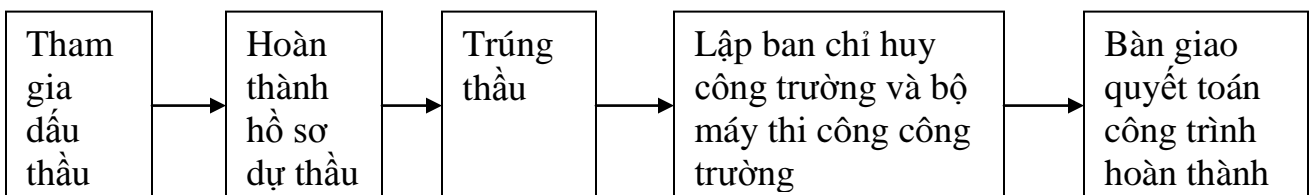
Năm 2008-2009 công ty trúng thầu dự án thi công xây dựng khu luyện, cán gang thép của tập đoàn Hòa Phát. Công ty đã nhận và hoàn thành xây dựng Nhà máy Cán thép - Nhà máy Năng lượng với tổng cộng 17 hạng mục công trình có tổng giá trị hợp đồng (không tính vật tư chính bên A cấp) là 32 tỷ (VNĐ).

Bằng năng lực, cách nghĩ, cách làm và với ý chí vươn lên cao nhất Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp đã đóng góp một phần nhỏ bé công sức trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế, xây dựng một Việt Nam giàu, đẹp sánh vai cùng các nước trong khu vực và trên trường quốc tế.

2.1.2 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp

Nếu trúng thầu, sau khi ký kết hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu công ty sẽ tổ chức lập ban chỉ huy công trường và bộ máy thi công. Đối với từng hạng mục công trình cụ thể công ty tham gia thi công, tùy theo từng đối tượng đòi hỏi công việc mà công ty bố trí bộ máy nhân sự và máy móc thiết bị cho phù hợp. Có thể khái quát quy trình hoạt động xây lắp của công ty như sau:

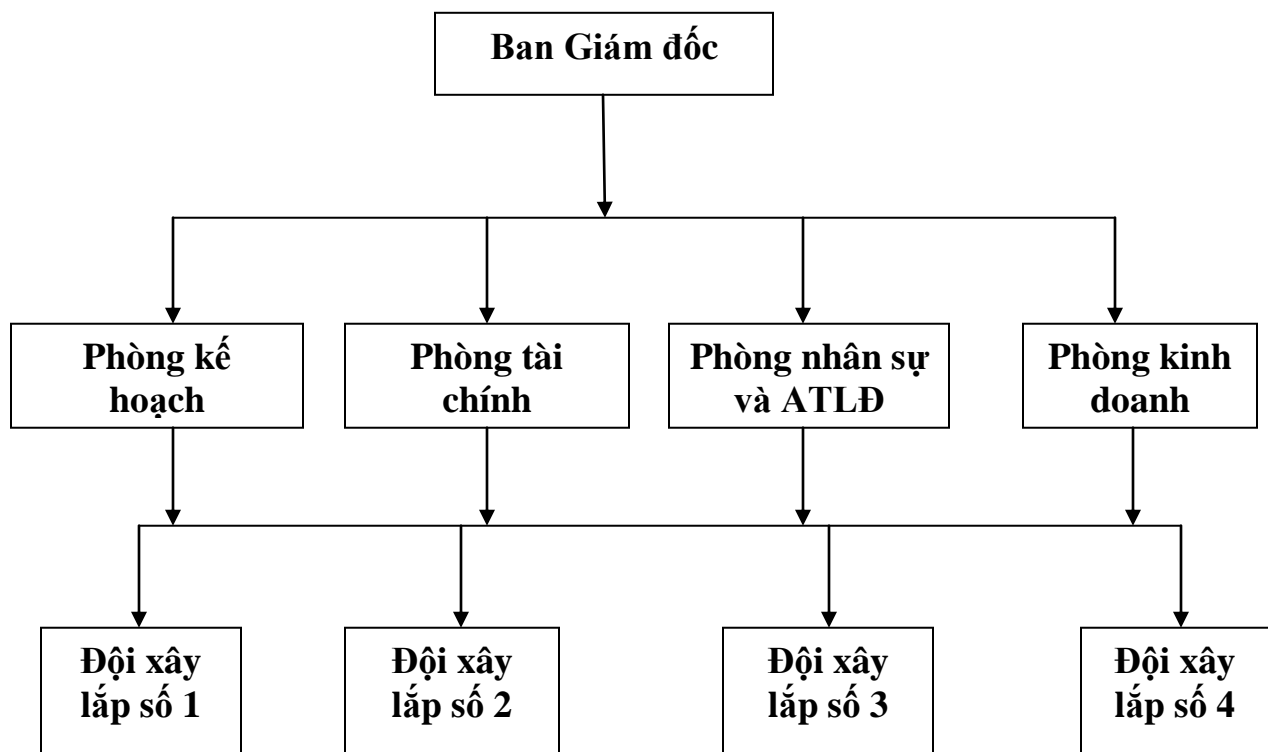
Sơ đồ 2.1: Quy trình hoạt động xây lắp của công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp



2.1.3 Quản lý sản xuất kinh doanh ở công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp

Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp được tổ chức hoạt động và điều hành theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lí của công ty



Chức năng các vị trí, phòng ban trong công ty:

- **Giám đốc**: là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch có trách nhiệm và quyền hạn tổ chức quản lý điều hành chung, hoạch định và tổ chức thực hiện mọi hoạt động kinh doanh, đời sống công nhân viên trong công ty theo điều lệ của Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp.

- **Phòng kế hoạch - kỹ thuật**: tham mưu cho giám đốc về những kế hoạch, chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật trong công ty.

- **Phòng tài chính - Kế toán**: tham mưu cho giám đốc thực hiện công tác tài chính kế toán, các chế độ báo cáo theo quy định thống kê, kiểm tra các chế độ hạch toán,

quản lý kinh tế vật tư tiền vốn đảm bảo sử dụng chúng một cách đạt hiệu quả kinh tế cao.

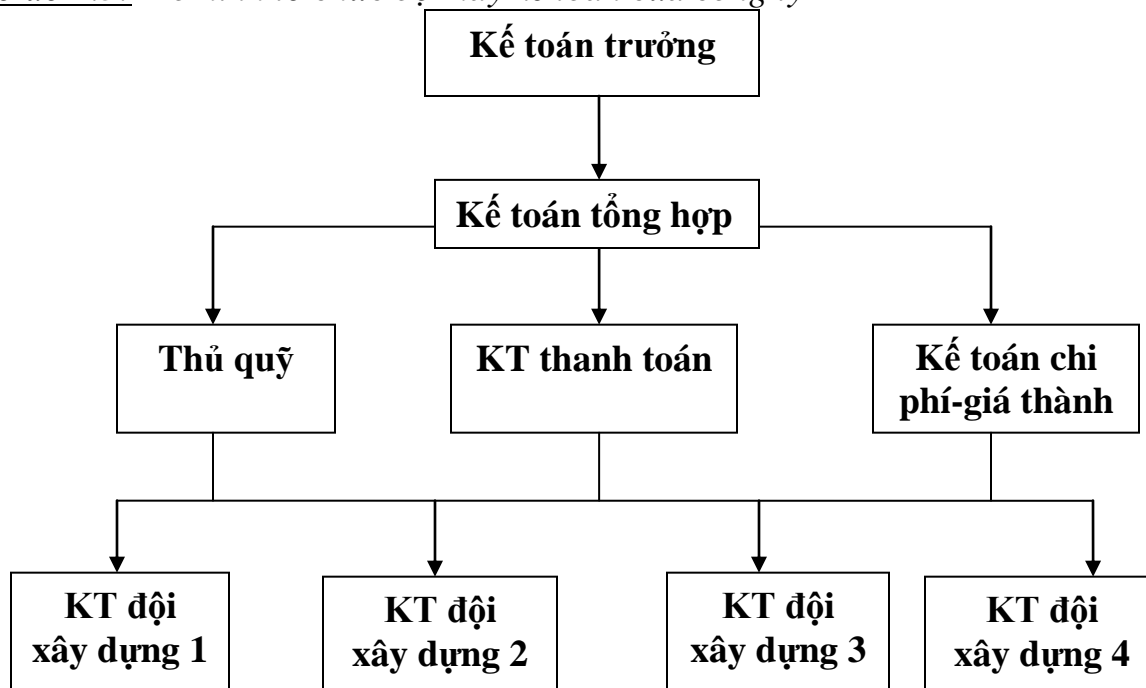
-Phòng nhân sự và ATLĐ: chịu trách nhiệm về công tác tổ chức tuyển chọn, biên chế, sắp xếp sử dụng nhân lực: công tác đào tạo nâng bậc cho CBCNV, chăm sóc khám chữa bệnh...

-Phòng kinh doanh: nghiên cứu thị trường, tìm kiếm bạn hàng kinh doanh. Tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ quản lý các bộ phận kinh doanh.

-Đội xây lắp: trực tiếp thi công theo sự chỉ đạo

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp

Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



-Kế toán trưởng: chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ KT-TC của công ty tham vấn cho giám đốc để đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán trưởng tập hợp số liệu lập các BCTC và đánh giá kết quả.

-Thủ quỹ: kiểm tra, quản lý tiền gửi Ngân hàng và tiền mặt

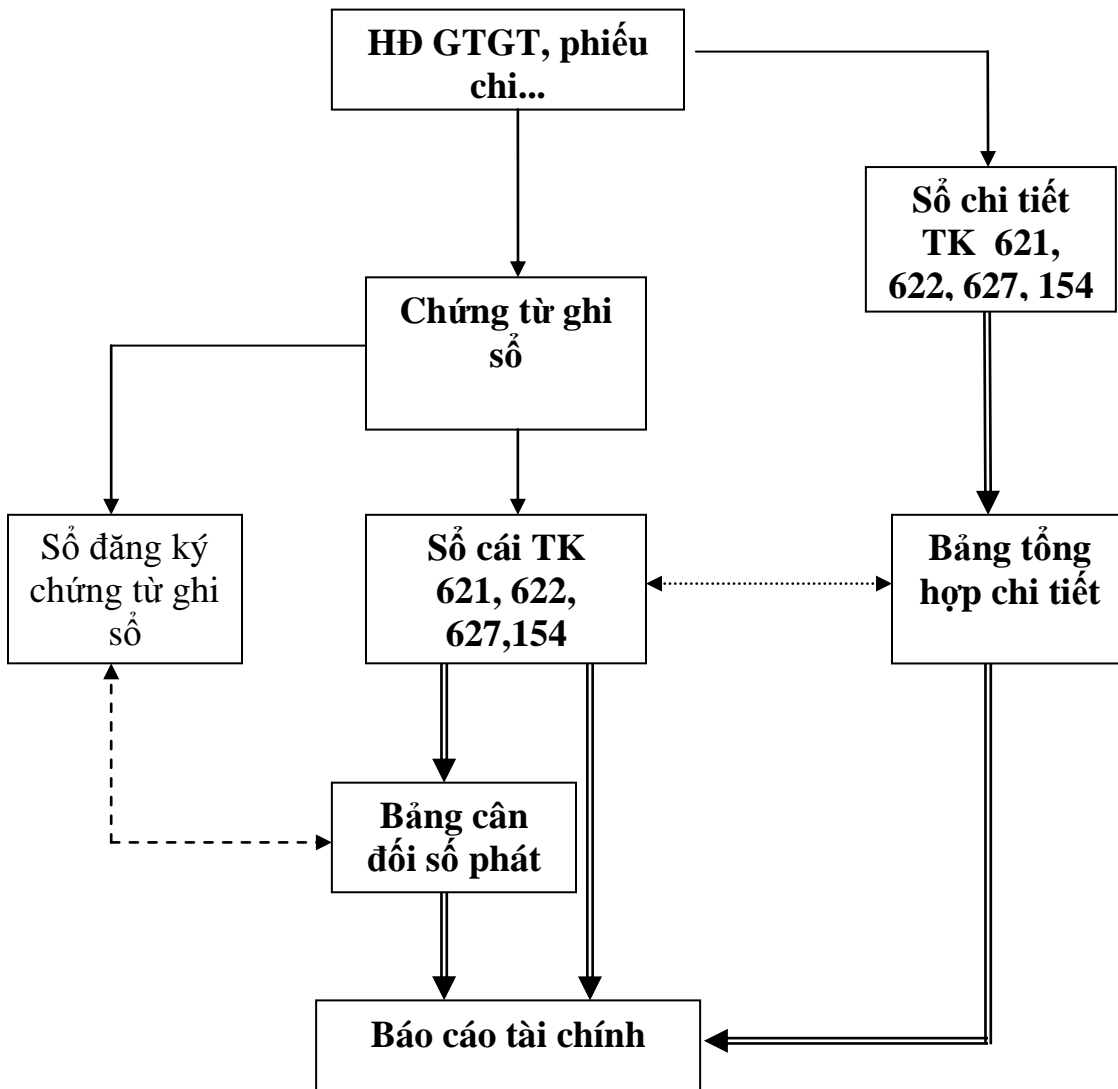
-KT thanh toán: theo dõi các khoản thu-chi bằng tiền của DN, khoá sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ. Kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

-Kế toán chi phí-giá thành: theo dõi, tập hợp chi phí phát sinh.

-Kế toán công trường: theo dõi, ghi chép ở công trường.

Công ty TNHH thương mại & xây dựng Đại Hợp hoạch toán kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức kế toán kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa ghi chép hàng ngày với việc tổng hợp số liệu báo cáo cuối tháng. Mỗi tài khoản mở sổ cái, Công ty ghi chép theo dõi liên tục trong năm và khoá sổ vào cuối mỗi năm. Đồng thời lập Bảng cân đối tài khoản.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự kế toán tập hợp CPSX tính giá thành theo hình thức chứng từ ghi sổ tại công ty:



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng: = = = = = →
 Quan hệ đối chiếu: <----->

2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: là đồng Việt Nam (VND).
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, về nguyên tắc đánh giá thì theo giá thực tế.
- Phương pháp tính thuế : Công ty áp dụng hình thức tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH thương mại & xây dựng Đại Hợp

2.2.1 Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất ở công ty TNHH thương mại & xây dựng Đại Hợp

Sản phẩm của công ty sản xuất là công trình xây dựng. Đối tượng được công ty sử dụng để ký kết hợp đồng là các công trình, do vậy công ty tập hợp chi phí thi công theo công trình. Trong trường hợp công trình lớn hoặc bên chủ đầu tư yêu cầu thì công ty tổ chức hạch toán chi phí theo hạng mục công trình. Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất ở công ty là chi phí phát sinh tại công trình (hạng mục công trình) nào thì tập hợp cho công trình đó. Đối với chi phí phát sinh dùng cho nhiều công trình thì công ty tiến hành phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

2.2.2 Đối tượng kế toán chi phí sản xuất ở công ty TNHH thương mại & xây dựng Đại Hợp

Để phù hợp với đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản của sản phẩm xây lắp cũng như tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất mà công ty xác định đó là từng công trình, hạng mục công trình . Xác

định đối tượng tập hợp chi phí là cơ sở để tính toán giá thành của các công trình, hạng mục công trình từ đó xác định được kết quả kinh doanh ở từng công trình.

Hiện nay công ty TNHH thương mại & xây dựng Đại Hợp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo các khoản mục chi phí sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí sản xuất chung

2.2.3 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH thương mại & xây dựng Đại Hợp

- Ở công ty TNHH TM & XD ĐẠI HỢP , chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp hoàn thành. Do vậy, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp của công ty là phương pháp trực tiếp.

Tại công ty TNHH TM & XD ĐẠI HỢP chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp_TK621: phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp , thực hiện lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp xây lắp.
- Chi phí nhân công trực tiếp_TK 622 : phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ. Chi phí lao động trực tiếp bao gồm cả các khoản phải trả cho người lao động thuộc doanh nghiệp quản lý và cho lao động thuê ngoài theo từng công việc.
- Chi phí sản xuất chung _TK 627: phản ánh chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh trong quá trình chế tạo sản phẩm, xây dựng công trình bao gồm:
 - _TK 6271: Chi phí nhân viên quản lý đội sản xuất gồm: Lương chính, lương phụ, và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội (bộ phận sản xuất)

_ TK 6272: Chi phí vật liệu gồm giá trị nguyên vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, các chi phí CCDC ở đội xây lắp.

_ TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí điện, nước, điện thoại dùng cho sản xuất và quản lý ở đội xây lắp.

2.2.3.1 Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành. Do vậy, việc hạch toán chính xác và đầy đủ chi phí này có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định lượng tiêu hao vật chất trong sản xuất thi công và đảm bảo tính chính xác của giá thành công trình xây dựng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính: cát, sỏi, đá, xi măng, sắt thép, gạch...dùng vào các công trình, hạng mục công trình.
- Nguyên vật liệu phụ: cốt pha, xà gỗ, cột chống...

Một số nguyên vật liệu khác như dây, đinh vít...và các loại vật liệu sử dụng luân chuyển như ván khuôn, đà giáo...dùng vào xây dựng các công trình, hạng mục công trình.

* Tài khoản kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng tài khoản 621_ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất.

Và các tài khoản khác có liên quan: TK 111,TK 141, TK 133...

Quy trình hạch toán các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế thi công xây dựng công trình, phòng kế hoạch của công ty sẽ lập giá thành dự toán của công trình và tiến độ thi công của công trình đó. Căn cứ vào dự toán được lập, tiến độ thi công của công trình, yêu cầu của công trình, thiết bị kỹ thuật của các đội xây dựng mà giao nhiệm vụ sản xuất thi công cho đội xây dựng nào đảm nhiệm.

Các đội xây dựng căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất thi công để tính toán lượng vật tư cần phục vụ cho sản xuất kinh doanh và khi có nhu cầu thi công sản xuất thì các

đội xây dựng lập yêu cầu cung cấp vật tư thông qua giám đốc ký duyệt, xuống phòng kế toán của công ty xin tạm ứng mua nguyên vật liệu. Sau khi hoàn thành các thủ tục xem xét và xác nhận của kế toán trưởng, giám đốc, thì kế toán thanh toán viết phiếu chi, hay ủy nhiệm chi tạm ứng tiền.

Sau khi các tổ đội nhận được tiền, chủ nhiệm công trình hoặc đội trưởng công trình tiến hành đi mua vật tư theo nhu cầu sử dụng và tiến độ thi công của công trình.

Đến cuối tháng, kế toán đội xây dựng tập hợp các chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT mua nguyên vật liệu) chuyển lên phòng tài chính của công ty và làm căn cứ để tính toán nguyên vật liệu lập phiếu nhập kho, phiếu xuất kho vật liệu sử dụng.

Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho tính theo giá thực tế đích danh từng lần nhập.

Công ty không có nguyên vật liệu tồn kho.

Sau đây em xin trích ví dụ minh họa quá trình hạch toán khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đối với công trình cán thép Hòa Phát.

VD 1 .Ngày 14/3/2010 Công ty mua gạch tuylen 2 lỗ phục vụ công trình nhà máy thép Cán thanh- Hòa Phát, xuất thẳng cho công trình .

- Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán định khoản:

Nợ TK 6212: 14,681,710.

Nợ TK 133: 1,468,171

Có TK 111: 16,149,881

- Căn cứ vào HĐ 24734 (Biểu 2.1), phiếu chi số 03(Biểu 2.2), Kế toán lập sổ chi tiết TK 621 (Biểu 2.3), Chứng từ ghi sổ(Biểu 2.4), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ(Biểu 2.27), sổ cái TK 621 (Biểu 2.5).

HOÁ ĐƠN		Mẫu số:01 GTKT - 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		BT/2010B			
Liên 2 Giao cho khách hàng		0024734			
Ngày 14 tháng 03 năm 2010					
Đơn vị bán hàng:CTY CP TM vận tải Bảo Đạt.....					
Địa chỉ: Số 376 Trường chinh.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:		0 2 0 0 8 3 8 2 2 2	□ □ □ □		
.....MS:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM & XD ĐẠI HỢP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:.....tm.....		0 2 0 0 4 0 9 2 0 9	□ □ □ □		
.....MS:					
S T T A	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	B	C	1	2	3
1	Gạch tuylen 2 lỗ	Viên	16000	917,6	14 681 710
Cộng tiền hàng:					14 681 710
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT :					1 468 171
Tổng cộng tiền thanh toán					16 149 881
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm tám mươi tám đồng./.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>			

Biểu 2.1

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137- An Đà-Ngô Quyền-HP

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/

QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI SỐ:....03..

Ngày.14..tháng...03.năm..2010.

Nợ TK 6212: 14,681,710

Nợ TK 133: 1,468,171

Có TK 111: **16,149,881**Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn thị Hương**

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Trả tiền mua gạch tuylen P/v công trình nhà máy thép cán thanh- Hòa Phát

Số tiền: **16,149,881 VNĐ.****Bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm tám mươi một nghìn đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc Hóa Đơn

Ngày.14..tháng...03.năm..2010.

*Thủ trưởng đơn vị**(ký tên, đóng dấu)**Kế toán trưởng**(Ký, họ tên)**Người lập phiếu**(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**(Ký, họ tên)**Người nhận tiền**(Ký, họ tên)***Biểu 2.2**

Đơn vị : Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137 -An Đà - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 6212- Chi phí NVL TT- CT nhà máy thép Cán Thanh- Hoà Phát
Trích tháng 3 năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	số	ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì					
			...					
14/03	PC 03	14/03	Trả tiền mua gạch	111	14 681 710			
22/03	HĐ 52504	22/03	Tiền gỗ dán phủ keo	331	428 000 000			
23/03	HĐ 52550	23/03	Tiền mua cây trồng tròn	331	246 900 000			
			...					
31/03	PKT 25	31/03	K/c CP NVL TT	1542		1 042 298 042		
			Số phát sinh trong kì		1 014 298 042	1 014 298 042		
			Số dư cuối kì					

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.3

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
 Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
 BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số 205

Ngày 14 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua NVL	6212	111	14 681 710	
Cộng			14 681 710	

Kèm theo 2 chứng từ gốc.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 14 tháng 03 Năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
 Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CÁI TK 621

Tên tài khoản : Chi phí NVL TT

Trích tháng 3 năm 2010.

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ.U	Số tiền	
	số	ngày			Nợ	Có
			số dư đầu kì			
			...			
14/3	205	14/03	Trả tiền mua gạch	111	14 681 710	
22/03	207	20/03	Tiền gỗ dán phủ keo	331	428 000 000	
23/03	208	23/03	Tiền mua cây trồng tròn	331	246 900 000	
			...			
31/03	319	31/03	K/c CP NVL TT	1542		1 014 298 042
			Số phát sinh trong kì		1 014 298 042	1 014 298 042
			Số dư cuối kì			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.5

2.2.3.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Trong điều kiện hiện nay khoản mục chi phí nhân công trực tiếp chiếm tỷ trọng không nhỏ trong giá thành sản phẩm công trình xây dựng. Do vậy, việc hạch toán đúng, đủ chi phí nhân công có ý nghĩa quan trọng trong việc tính lương, trả lương chính xác, kịp thời cho người lao động, đồng thời góp phần quản lý tốt thời gian lao động và quỹ tiền lương của công ty và nhất là việc hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

* Chi phí nhân công trực tiếp của công ty bao gồm:

- Tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý
- Tiền lương phải trả cho công nhân thuê ngoài.

* Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 622_ chi phí nhân công trực tiếp, và các TK có liên quan: TK 334, TK 331, TK 141...

* Chứng từ kế toán sử dụng:

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng các chứng từ như:

Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, Hợp đồng giao khoán...

Hiện nay công ty áp dụng hình thức trả lương sau:

Công ty trực tiếp trả lương theo thời gian đối với bộ máy quản lý, nhân viên quản lý đội, trả lương khoán theo sản phẩm đối với công nhân trực tiếp tham gia sản xuất và được giao khoán theo hợp đồng giao khoán.

+ Lương khoán theo sản phẩm: Kế toán lương căn cứ vào khối lượng công việc đã hoàn thành của từng người, từng đội, từng nhóm sản phẩm; Căn cứ vào định mức tiền lương cho từng khối lượng công việc để làm cơ sở tính lương và được giao khoán theo hợp đồng giao khoán.

Đơn giá khoán được đội trưởng công trình và tổ trưởng của các nhóm công nhân kỹ thuật dựa trên đơn giá của nhà nước quy định và điều kiện cụ của thể từng công trình, hạng mục công trình được ghi trên phiếu giao việc.

+ Lương theo thời gian: Được áp dụng với các bộ phận gián tiếp phục vụ cho sản xuất. Tiền lương được tính theo hệ số của công ty căn cứ vào " Bảng chấm công" , đơn giá và các hợp đồng đã hoàn thành để làm cơ sở trả lương.

$$\text{Tiền lương phải trả} = \frac{\text{Lương tháng}}{26 \text{ ngày công}} * \text{Số ngày làm thực tế}$$

$$\text{Tiền lương khoán phải trả} = \text{Khối lượng công việc} * \text{Đơn giá tiền lương được giao}$$

VD 2. Ngày 15/03/2010 Công ty thuê nhân công ngoài pv công trình, tính theo khối lượng công việc hoàn thành, và số tiền trên hóa đơn chính là tiền công người lao động được trả.

- Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán định khoản:

Nợ TK 6222: 181 818 182

Nợ TK 133 : 18 181 818

Có TK 331 :200 000 000

- Căn cứ vào Hoá Đơn GTGT (Biểu 2.6), Kế toán lập sổ chi tiết (Biểu 2.7).
- Kế toán lập chứng từ ghi sổ(Biểu 2.8), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ(Biểu 2.27), sổ cái TK 622 (Biểu 2.9).

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01 GTKT -															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			3LL															
Liên 1:Lưu			BT/2010B															
Ngày 15 tháng 03 năm 2010			0079310															
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Thiên Thanh																		
Địa chỉ: 266- Tôn Đức Thắng- xã An Đông- An Dương- HP																		
Số tài khoản:.....																		
Điện thoại:			<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> </tr> </table>	2	0	0	7	9	3	3	5	6	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> </tr> </table>					
2	0	0	7	9	3	3	5	6										
.....MS:																		
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH TM và XD ĐẠI HỢP																		
Tên đơn vị:																		
Số tài khoản:																		
Hình thức thanh toán:.....TM.....			<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> </tr> </table>	0	2	0	0	4	0	9	2	0	9	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> <td style="width: 20px; height: 15px;"></td> </tr> </table>				
0	2	0	0	4	0	9	2	0	9									
..... MS:																		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3													
1	Tiền thi công CT Hòa Phát theo HĐ				181,818,182													
Cộng tiền hàng:					181,818,182													
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT :					18,181,818													
Tổng cộng tiền thanh toán					200,000,000													
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm triệu đồng./.																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														

Biểu 2.6

Đơn vị : Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137 -An Đà - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 6222- Chi phí nhân công TT- CT nhà máy thép Cán Thanh- Hoà Phát
Trích tháng 3 năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	số	ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì					
			...					
15/03	HĐ79310	15/03	Tiền nhân công pv CT	331	181 818 182			
31/03	HĐ79327	31/03	Tiền nhân công pv CT	331	175 400 000			
31/03	PKT 25	31/03	K/c CP NVL TT	1542		357 218 182		
			Số phát sinh trong kì		357 218 182	357 218 182		
			Số dư cuối kì					

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.7

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số 206

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền nhân công	6222	331	181 818 182	
Cộng			181 818 182	

Kèm theo 2 chứng từ gốc.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 15 tháng 03 Năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.8

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CÁI TK 622

Tên tài khoản : Chi phí nhân công trực tiếp

Trích tháng 3 năm 2010.

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ.Ư	Số tiền	
	số	ngày			Nợ	Có
			số dư đầu kì			
			...			
15/03	206	15/03	Tiền nhân công p/v CT	331	181 181 182	
31/03	300	31/03	Tiền nhân công p/v CT	331	175 400 000	
31/03	319	31/03	K/c CP nhân công TT	154		357 218 182
			Số phát sinh trong kì		357 218 182	357 218 182
			Số dư trong kì			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.9

2.2.3.3 Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung tại công ty bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

* Tài khoản sử dụng :Kế toán sử dụng TK 627_chi phí sản xuất chung và các TK khác liên quan như: TK 338, TK 141, TK 152...

_TK 62712: Chi phí nhân viên quản lý đội sản xuất gồm: Lương chính, lương phụ, và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội (bộ phận sản xuất)_CT hòa phát

_ TK 62722: Chi phí vật liệu gồm giá trị nguyên vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, các chi phí CCDC ở đội xây lắp._CT hòa phát

_ TK 62772: Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí điện, nước, điện thoại dùng cho sản xuất và quản lý ở đội xây lắp._CT hòa phát

*** Chi phí nhân viên quản lý đội sản xuất:**

VD 3. Ngày 31/03/2010 Công ty trả lương cho nhân viên quản lý đội sản xuất số tiền là: 6,500,000.

TK 62712: Chi phí nhân viên quản lý đội sản xuất bao gồm bảo vệ và kỹ thuật.

Kế toán hạch toán vào chi phí :

Nợ TK 62712: 6 500 000

Có TK 334: 6 500 000

Cuối tháng, công ty chi lương cho nhân viên, thực hiện bút toán sau:

Nợ TK 334 : 6 500 000

Có TK 111: 6 500 000

- Kế toán căn cứ vào Bảng chấm công (biểu 2.10) ,Bảng thanh toán lương (biểu 2.11), Kế toán viết phiếu chi số 18 (Biểu 2.12), Phiếu kế toán số 12 (Biểu 2.13), sổ chi tiết (Biểu 2. 14)

- Chứng từ ghi sổ (biểu 2.15)-->Số đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.27)-->Số cái TK 627(biểu 2.23).

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 03 năm 2010

STT	Họ và tên	Ngày trong tháng															Tổng ngày công	
		1	2	3	4	5	6	7	CN	...	22	23	24	25	26	27		28
1	Phùng tiến Tùng	X	X	X	X	X	X	0	0		X	X	X	X	X	X	0	18
2	Trần văn Cận	X	X	X	X	X	X	0	0		X	X	X	X	X	0	0	20
3	Nguyễn minh thành	X	X	X	X	X	X	0	0		X	X	X	X	X	X	0	19
4	Nguyễn thị Hương	X	X	X	X	X	X	0	0		X	X	X	X	X	0	0	20
5	Vũ hữu thiện	X	X	X	X	X	X	0	0		X	X	X	X	X	X	0	20
6	Phan đình hiền	X	X	X	X	X	X	0	0		X	X	X	X	X	X	0	19
7	Cao minh nhật	X	X	X	X	X	X	0	0		X	X	X	X	X	X	0	26

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Giám đốc duyệt

Người chấm công

Biểu 2.10

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**THÁNG 03 NĂM 2010**

Bộ phận: Quản lý công trường

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Lương/ tháng	Lương/ ngày	Ngày công	Lương thực lĩnh	ký nhận
	...						
2	Trần văn Cân	Kỹ thuật	3,500,000	134,615	20	2,092,300	
3	Nguyễn minh thành	Kỹ thuật	3,500,000	134,615	19	2,157,685	
	...						
5	Vũ hữu Thiện	BV	1,500,000	57,692	20	1,153,840	
6	Phan đình Hiến	BV	1,500,000	57,692	19	1,096,148	
	Tổng cộng		10,000,000	384,614		6,500,000	

Hải phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Giám đốc duyệt

Người lập biểu

Biểu 2.11

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137- An Đà-Ngô Quyền-HP

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/

QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI SỐ:....18..

Ngày.31..tháng...03.năm..2010.

Nợ TK 334: 6,500,000

Có TK 111: 6,500,000

Họ tên người nhận tiền: Trần Minh Anh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán lương tháng 3

Số tiền: **6,500,000 VNĐ.****Bằng chữ: Sáu triệu năm trăm nghìn đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày.31..tháng...03.năm..2010.

*Thủ trưởng đơn vị**Kế toán trưởng**Người lập phiếu**Thủ quỹ**Người nhận tiền**(ký tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)***Biểu 2.12**

Công ty TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng
 MST:0200409209

Mẫu số S01-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 12

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
1	2	3	4	5	6	7
	31/03/2010	Chi phí sxc – cp nhân viên px	62712	334	6,500,000	
		Cộng			6,500,000	

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kèm theo chứng từ gốc
 Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Cao Minh Nhật

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.13

Đơn vị : Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ: 137 -An Đà - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 62712- Chi phí sxc- chi phí nhân viên phân xưởng
 Trích tháng 3 năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	số	ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì					
			...					
31/03	PKT 12	31/03	Bảng lương cty T3	334	6 500 000			
31/03	PKT 25	31/03	K/c cpsxc- cpnvpx	1542		6 500 000		
			Số phát sinh trong kì		6 500 000	6 500 000		
			Số dư cuối kì					

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Biểu 2.14

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số 318

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
CP SXC- CP nhân công phân xưởng	62712	334	6 500 000	
Cộng			6 500 000	

Kèm theo 2 chứng từ gốc.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 03 Năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.15

*** Chi phí Vật liệu****VD 4. Ngày 27/3/2010 Xuất dây thép 1 ly phục vụ công trình.**

- Nợ TK 62722: 17,800,000

Có TK 152: 17,800,000

- Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho (biểu 2.16) , Kế toán lập Phiếu kế toán số 08 (Biểu 2.17), sổ chi tiết (Biểu 2.18).
- Chứng từ ghi sổ (biểu 2.19)-->Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.27)-->Sổ cái TK 627(biểu 2.23).

Công ty TM & XD Đại Hợp

Mẫu số: 02- VT

Bộ phận:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 3 năm 2010

Số...56.

- Họ và tên người nhận hàng:...Đình công thành.... Bộ phận:...sản xuất....
- Lý do xuất:.....P/vụ công trình.....
- Xuất tại kho:.....số 4.....

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				yêu cầu	thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Dây thép 1 ly		kg	1186,6	1186,6	15 000	17,800,000
	Cộng						

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):
 .mười bảy triệu tám trăm nghìn.đồng.....
- Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Biểu 2.16

Công ty TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng
 MST:0200409209

Mẫu số S01-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 08

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
1	2	3	4	5	6	7
	27/03/2010	Xuất dây thép 1 ly pv CT	62722	152	17,800,000	
		Cộng			17,800,000	

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2010

Kèm theo chứng từ gốc
 Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Cao Minh Nhật

Biểu 2.17

Đơn vị : Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ: 137 -An Đà - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 62722- Chi phí sản xuất chung- CP vật liệu
 Trích tháng 3 năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	số	ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì					
			...					
27/03	PKT 08	27/03	Xuất dây thép 1 ly	152	17 800 000			
31/03	PKT 22	31/03	K/c CP sxc- CP VL	1542		17 800 000		
			Số phát sinh trong kì		17 800 000	17 800 000		
			Số dư cuối kì					

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Biểu 2.18

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số 312

Ngày 27 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
CP SXC- CP vật liệu	62722	152	17 800 000	
Cộng			17 800 000	

Kèm theo 2 chứng từ gốc.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 27 tháng 03 Năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.19

*** Chi phí dịch vụ mua ngoài*****VD 5. Ngày 16/3/2010 Thanh toán tiền điện tháng 2.***

- Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán định khoản:

• Nợ TK 62772: 1 522 843

Nợ TK 133: 152 284

Có TK 111: 1 675 127

- Kế toán căn cứ vào Phiếu chi số 15(biểu 2.20) , Kế toán lập sổ chi tiết (Biểu 2.21).
- Chứng từ ghi sổ (biểu 2.22)-- >Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.27)-->Sổ cái TK 627(biểu 2.23).

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC **HOÁ ĐƠN THU TIỀN ĐIỆN GTGT**

(Liên 2 : Giao cho khách hàng) **0620301**

Từ ngày 13/02 đến ngày 12/03

Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng STT: 01128

Điện thoại: Tài khoản: Mã khách hàng: PH 040000478

Tên khách hàng: Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp

Địa chỉ: 137- An Đà- Ngô Quyền - HP

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn Giá	Thành tiền
KT	7658	8996	1	1.337	1.139	1.522.843
Ngày 15 tháng 03 năm 2011						
Bên bán điện						
Mai Van Tuan						
			Cộng	1.337		1.522.843
* Đề nghị Quý khách hàng thanh toán trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được thông báo ngày... Tháng...năm			Thuế suất GTGT : 10% Thuế GTGT			152.284
			Tổng cộng tiền thanh toán:			1.675.127
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm tám mươi chín đồng.						

Xin quý khách hàng vui lòng thanh toán tại quầy.....

Biểu 2.20

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137- An Đà-Ngô Quyền-HP

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/

QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI SỐ:....15.

Ngày.16..tháng...03.năm..2010.

Nợ TK 62772: 1,522,843

Nợ TK 133: 152,284

Có TK 111: **1,675,127**Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn thị Hương**

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán tiền điện tháng 2

Số tiền: **1,675,127 VNĐ.****Bằng chữ: Một triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn một trăm hai mươi bảy đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc Hóa Đơn

Ngày.16..tháng...03 .năm..2010.

<i>Thủ trưởng đơn vị</i>	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Người lập phiếu</i>	<i>Thủ quỹ</i>	<i>Người nhận tiền</i>
<i>(ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.21

Đơn vị : Công ty TNHH TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137 -An Đà - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 62772- Chi phí sản xuất chung- CP dịch vụ mua ngoài
Trích tháng 3 năm 2010

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	số	ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì					
			...					
13/03	PC 05	13/03	Trả tiền mua hàng	111	258 000			
14/03	PC06	14/03	Chi tiền mua vòng bi	111	100 000			
16/03	PC 15	16/03	Thanh toán tiền điện T2	111	1 522 843			
			...					
31/03	PKT 23	31/03	K/c cp sxc- cp dv mngoài	1542		104 005 899		
			Số phát sinh trong kì		104 005 899	104 005 899		
			Số dư cuối kì					

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.22

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

số 208

Ngày 16 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí sxc- cp dịch vụ mua ngoài	62772	111	1 522 843	
Cộng			1 522 843	

Ngày 16 tháng 03 Năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu 2.23**

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CÁI TK 627

Tên tài khoản : Chi phí sản xuất chung

Trích tháng 3 năm 2010.

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ.Ư	Số tiền	
	số	ngày			Nợ	Có
			số dư đầu kỳ			
16/03	208	16/03	CP sxc -cpdvm ngoài	111	1 522 843	
			...			
27/03	312	27/03	CP sxc- cp nvl	152	17 800 000	
			...			
31/03	318	31/03	CP sxc - cp nvpv	334	6 500 000	
31/03	319	31/03	K/c cpsxc	154		141 305 899
			số phát sinh trong kỳ		141 305 899	141 305 899
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.24

2.2.4 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Để tổng hợp chi phí sản xuất cho từng công trình, công ty sử dụng TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. TK này được mở chi tiết cho từng công trình.

Tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Đại Hợp, chi phí sản xuất được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình. Do đó, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất ở công ty là theo công trình, hạng mục công trình. Trên cơ sở các chi phí sản xuất đã tập hợp được từ các sổ cái TK 621, 622, 627 (chi tiết) cuối năm kế toán tổng hợp tiến hành tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất của công trình nào vào công trình đó và vào TK 154(chi tiết).

Kỳ tính giá thành sản phẩm được tính theo tháng vì vậy mỗi tháng kế toán tổng hợp lại thực hiện lũy kế chi phí phát sinh các ngày trong tháng.

Cuối tháng căn cứ vào dòng cộng phát sinh của sổ cái từng tài khoản chi phí sản xuất, kế toán tổng hợp lập bảng tính giá thành sản phẩm công trình toàn công ty trong năm.

2.3 Công tác tính giá thành sản phẩm xây lắp ở công ty TNHH xây dựng và thương mại Đại Hợp

2.3.1 Đối tượng, kỳ hạn, phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

- Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp ở công ty là từng công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư thanh toán.

Dựa trên cơ sở đối tượng tập hợp chi phí của công ty và đặc điểm của ngành xây dựng thì đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty cũng đồng thời là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Cụ thể trong ví dụ đưa ra thì đối tượng tính giá thành sản phẩm là hạng mục công trình nhà máy thép Cán Thanh - Hoà Phát.

- Kỳ tính giá thành ở công ty TNHH xây dựng và thương mại Đại Hợp được xác định khi công trình hoàn thành bàn giao(công trình khởi công ngày 15/02/2010, kết thúc bàn giao ngày 30/09/2010).

công ty thực hiện tính giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp theo phương pháp trực tiếp:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế KLXL hoàn} \\ \text{thành bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế KLXL dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Để xác định được giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ sau khi đã tập hợp được chi phí thực tế phát sinh trong kỳ phải xác định được chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

2.3.2 Công tác kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang ở công ty

Do công ty thực hiện cơ chế khoán gọn cho đội xây dựng nên khối lượng sản phẩm làm dở cuối kỳ thực hiện tại công trường do phòng kinh tế - kế hoạch và phòng kỹ thuật thi công phối hợp xác định theo từng điểm dừng kỹ thuật.

Còn giá trị sản phẩm làm dở cuối kỳ của từng công trình xây dựng là số dư chi tiết trên TK 154 . Khi đó, chi phí dở dang cuối kỳ được xác định là toàn bộ chi phí đã chi ra để thi công công trình(vào thời điểm tính giá thành).

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ của công trình này chính là chi phí dở dang đầu kỳ của công trình đó. Chi phí phát sinh trong kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 621, 622,627(chi tiết)

Đối với công trình Hòa phát, chủ đầu tư công trình quy định sẽ thanh toán ngay sau khi có khối lượng xây lắp bàn giao nên trong quý 4, giá thành công trình trên là giá thành xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ không có sản phẩm dở dang cuối kỳ.

2.3.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp ở công ty TNHH xây dựng và thương mại Đại Hợp

Xuất phát từ đặc điểm của công ty xây dựng thuộc loại hình sản xuất đơn chiếc, quy trình sản xuất phức tạp và thời gian thi công dài, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các công trình xây dựng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo từng công trình . Công ty tính giá thành trực tiếp cho các công trình , hạng mục công trình từ khi khởi công công trình đến khi hoàn thành bàn giao cho khách hàng (chủ đầu tư) - Đó là giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình.

$$\text{Công thức tính: } Z = C$$

Trong đó: Z : Tổng giá thành công trình

C : Tổng chi phí công trình đã tập hợp được theo đối tượng

Do các công trình có thời gian thi công dài nên trong quý công ty chưa thể hoàn thành bàn giao. Trong trường hợp này giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ của từng công trình , hạng mục công trình sẽ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} \\ \text{tế KLXL hoàn} & & \text{KLXL dở dang} & & \text{KLXL phát} & & \text{KLXL dở dang} \\ \text{thành bàn giao} & = & \text{cuối kỳ} & + & \text{sinh trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Đối với hạng mục công trình nhà máy thép Cán thanh_Hòa phát sau khi kế toán tổng hợp thực hiện bút toán kết chuyển CP NVLTT, CPNCTT, CPSXC vào TK 154, Căn cứ vào số dư chi tiết trên TK 154, kế toán tổng hợp lập Bảng tính giá thành sản phẩm công trình.

VD6. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

- Khi thực hiện bút toán kết chuyển sang TK 154 kế toán lập Phiếu kế toán số 25 (biểu 2.24), Kế toán lập sổ chi tiết TK 154 để theo dõi.(Biểu 2.25)
- Đồng thời vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.26), sổ đăng kí chứng từ ghi sổ(Biểu 2.27), Sổ cái TK 154(biểu 2.28), Sổ giá thành công trình (Biểu 2.29)
- Giá thành thực tế của công trình hoàn thành bàn giao sau khi tính được kế toán ghi :

Nợ TK 632: 1 512 822 123

Có TK 154: 1 512 822 123

Công ty TM & XD Đại Hợp
 Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng
 MST:0200409209

Mẫu số S01-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 25

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
1	2	3	4	5	6	7
	31/03/2010	Kết chuyển CP NVL TT	154	621	1 014 298 042	
		Kết chuyển CP NC TT	154	622	357 218 182	
		Kết chuyển CP SXC	154	627	141 305 899	
		Cộng			1 512 822 123	

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kèm theo chứng từ gốc

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Cao Minh Nhật

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.25

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Trích tháng 3 năm 2010.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đ.ư		Số tiền nợ	Số tiền có
	số	ngày		Nợ	Có		
			Số dư đầu kì				
			...				
31/03	PKT 25	31/03	K/c CP NVLTT	154	621	1 014 298 042	
31/03	PKT 25	31/03	K/c CP nhân công TT	154	622	357 218 182	
31/03	PKT 25	31/03	K/c CP NVL TT	154	627	141 305 899	
31/03	PKT 29	31/03	K/c chi phí công trình vào giá thành	632	154		1 512 822 123
			...				
			Số phát sinh trong kì			1 512 822 123	1 512 822 123
			Số dư cuối kì				

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.26

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)**Chứng từ ghi sổ**

số 319

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c Chi phí NVL TT	154	621	1 014 298 042	
K/c Chi phí nhân công TT	154	622	357 218 182	
K/c Chi phí SXC	154	627	141 305 899	
Cộng			1 512 822 123	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 03 Năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.27

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp

Mẫu số S02b-DN

Địa chỉ: 137- An Đà-Ngô Quyền-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Trích tháng 3 năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
		...
205	14/03	14 681 710
206	15/03	181 818 182
		...
208	16/03	1 522 843
		...
312	27/03	17 800 000
		...
318	31/03	6 500 000
319	31/03	1 512 822 123
Cộng		...

Biểu 2.28

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CÁI TK 154

Tên tài khoản : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Trích tháng 3 năm 2010.

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ.Ư	Số tiền	
	số	ngày			Nợ	Có
			số dư đầu kì			
			...			
31/03	319	31/03	K/c CP NVL TT	621	1 014 298 042	
			K/c CP nhân công TT	622	357 218 182	
			K/c CP SXC	627	141 305 899	
31/03	320	31/03	K/c CP công trình vào giá thành	632		1 512 822 123
			số phát sinh trong kì		1 512 822 123	1 512 822 123
			Số dư cuối kì			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.29

Đơn vị: Công ty TM & XD Đại Hợp
Địa chỉ: 137-An Đà-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THÉP CÁN THANH- HOÀ PHÁT

Trích tháng 3 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	CPNVLTT	CP NCTT	CP SXC	Cộng PS 2010
Ngày tháng	số hiệu					
		...				
14/03	PC 03	Trả tiền mua gạch	14 681 710			14 681 710
15/03	HĐ79310	Tiền nhân công CT		181 818 182		181 818 182
		...				
21/03	HĐ97985	Tiền mua vật tư			39 000 000	39 000 000
22/03	PC 06	Trả tiền mua gỗ dán	428 000 000			428 000 000
23/03	HĐ52550	Trả tiền cây trồng	246 900 000			246 900 000
		...				
27/03	PXK 56	Xuất xi măng pv ct			17 800 000	17 800 000
28/03	PC 29	Trả tiền cước v/c			1 676 189	1 676 189
31/03	HĐ79327	tiền nhân công CT		175 400 000		175 400 000
31/03	BTC	Bảng lương T3			6 500 000	6 500 000
		Cộng	1 014 298 042	357 218 182	141 305 899	1 512 822 123

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Biểu 2.30

- Giá thành thực tế của công trình hoàn thành bàn giao sau khi tính được kế toán ghi :

Nợ TK 632: 1 512 822 123

Có TK 154: 1 512 822 123

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẬP Ở CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐẠI HỢP.

3.1 Nhận xét, đánh giá khái quát về đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh ở công ty TNHH Thương Mại và xây dựng Đại Hợp

3.1.1 Những ưu điểm trong tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh ở công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp.

Từ những ngày đầu bước vào sản xuất kinh doanh với nỗ lực phấn đấu của ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công nhân viên toàn công ty, sự quan tâm của Tổng công ty, bộ xây dựng, Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đại Hợp xứng đáng là đơn vị sản xuất kinh doanh được nhà nước tặng thưởng huân chương lao động hạng 2, Bộ xây dựng tặng huy chương vàng chất lượng cao... Công ty đã và đang xây dựng nhiều công trình có tầm quan trọng trong nền kinh tế.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về kinh doanh xây dựng. Trong 3 năm gần đây công ty đã ký kết và xây dựng 1 số công trình tiêu biểu cụ thể là: Công trình luyện gang Đình vũ có giá trị hợp đồng là 43.189.988.000, Công trình nhà máy thép - khu công nghiệp gang thép hòa phát có giá trị hợp đồng là 31.747.904.600, Công trình nhà máy sản xuất than coke - khu công nghiệp gang thép hòa phát có giá trị hợp đồng là 9.245.149.742. Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô sản xuất cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và những kết quả sản xuất kinh doanh như vừa qua. Đó là cả một quá trình phấn đấu liên tục của

Ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên trong toàn công ty. Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của nhà nước công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với ngân sách nhà nước và Bộ xây dựng, không ngừng nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Qua thời gian thực tập tạo công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp với việc nghiên cứu đề tài: " Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp". Em xin đưa ra một số nhận xét cụ thể như sau:

Trước hết, công ty đã tổ chức hạch toán kế toán phù hợp với quy mô của mình thông qua việc áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức phù hợp với chế độ kế toán hiện hành đồng thời phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu chi tiết theo chứng từ.

Công ty thực hiện hình thức giao khoán cho các đội xây dựng thông qua hợp đồng khoán gọn. Hình thức này góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động và tăng cường công tác quản trị của công ty, tuy là hình thức khoán gọn nhưng không phải là hình thức khoán trắng mà có sự quản lý chặt chẽ của các phòng ban cả về khối lượng lẫn chất lượng của công trình.

Công ty giao quyền chủ động cho các đội tự lập kế hoạch mua sắm vật tư theo tiến độ thi công và nhu cầu sử dụng vật tư. Do vậy, tránh được tình trạng bị tồn đọng vật tư, gây ứ đọng vốn. Quá trình hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp ở công ty về cơ bản là theo dõi được vật tư mua cho thi công công trình thông qua các hóa đơn, chứng từ do kế toán xây dựng gửi lên.

Việc hạch toán chi phí nhân công ở công ty tương đối rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Việc áp dụng hình thức trả lương khoán sản phẩm kết hợp với lương thời gian đã tạo điều kiện gắn liền lợi ích vật chất của người lao động với tiến độ thi công.

Mặt khác phòng kế toán công ty đã xây dựng được một hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán một cách hợp lý, khoa học phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới giảm bớt khối lượng công việc ghi sổ, kế toán đáp ứng thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của công ty và các đối tượng liên quan khác. Cụ thể là:

+ Việc lập sổ chi tiết tài khoản tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán trưởng cùng lãnh đạo công ty trong việc phân tích hoạt động kinh tế. Công tác này được tiến hành khá tốt nên đã đưa ra quyết định kịp thời cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán công ty đã hạch toán chi phí sản xuất cho từng công trình, hạng mục công trình theo tháng một cách rõ ràng, đơn giản, phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Việc công ty áp dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm sản xuất thi công và điều kiện hạch toán.

Với nỗ lực công ty đã cố gắng tìm biện pháp hòa nhập bước đi của mình cùng với nhịp điệu chung của nền kinh tế. Đặc biệt trong cơ chế thị trường hiện nay, sự linh hoạt nhạy bén trong công tác quản lý kinh tế, quản lý sản xuất đã thực sự trở thành đòn bẩy tích cực cho việc phát triển của công ty.

Những ưu điểm về quản lý, về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đã có tác dụng rất lớn đến việc thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm xây lắp, nâng cao hiệu quả sản xuất của công ty.

3.1.2 Những vấn đề còn tồn tại cần được hoàn thiện

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu ở trên Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định trong quá trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, cần được hoàn thiện, biểu hiện cụ thể:

1. Do đặc thù của ngành xây lắp sản phẩm thường đơn chiếc, thời gian thi công dài, địa điểm hoạt động nhiều nơi xa trụ sở công ty...nên việc tập hợp các chứng từ gốc ban đầu thường chậm dẫn đến việc phản ánh các chi phí phát sinh không kịp thời, các số liệu về tình hình chi phí phát sinh không được cung cấp kịp thời cho công tác quản lý.

2. Việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tính vào giá thành sản phẩm còn thiếu chính xác do căn cứ để tập hợp là các chứng từ hóa đơn mua nguyên vật liệu do kế toán xây dựng gửi về phòng tài chính - kế toán của công ty.

3. Công ty chưa tổ chức hạch toán một cách chi tiết rõ ràng hoạt động của đội máy và thiết bị thi công.

4. Ngoài việc thi công các công trình xây dựng mới công ty còn thực hiện nhiều hợp đồng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình. Do vậy, với loại hợp đồng này, giá trị khối lượng xây lắp không lớn, thời gian thi công thường ngắn nên bên chủ đầu tư thường thanh toán cho công ty khi đã hoàn thành toàn bộ công việc theo

hợp đồng. Với loại hợp đồng như vậy công ty nên áp dụng phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp

3.2.1 Sự cần thiết để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Mục tiêu của bất kỳ doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh nào cũng là tìm mọi cách để tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn, lao động một cách hiệu quả trên cơ sở tổ chức ngày càng hợp lý quá trình hạch toán chi phí sản xuất phát sinh. Từ đó, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý để kịp đưa ra các quyết định tối ưu, nhằm phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Chính vì vậy, hạch toán chi phí sản xuất phải luôn được hoàn thiện. Tuy nhiên, do đặc tính của chi phí sản xuất là vận động, thay đổi không ngừng đồng thời mang lại tính đa dạng và phức tạp gắn liền với tính đa dạng của ngành nghề sản xuất và quá trình sản xuất nên công việc hoàn thiện quá trình sản xuất là rất khó khăn. Nó đòi hỏi tính hợp lý và chính xác ở tất cả các giai đoạn trong quá trình sản xuất, các bộ phận sản xuất. Do vậy, việc hoàn thiện phải thực hiện được những nội dung sau:

* Tổ chức và luân chuyển chứng từ một cách có hệ thống, có kế hoạch và hợp lý nhằm tạo điều kiện cho việc tổng hợp số liệu phục vụ yêu cầu quản lý.

* Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán chi phí thống nhất nhằm phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thông tin và kiểm tra công tác quản lý.

* Tổ chức lập báo cáo và phân tích báo cáo tài chính kịp thời , hữu hiệu cho việc điều chỉnh và đưa ra các quyết định quản lý cho phù hợp .

Để làm được điều đó, hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:

* Năm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức kế toán nói chung cũng như tổ chức kế toán chi phí sản xuất nói riêng trong hệ thống quản lý tài chính của công ty.

* Hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng phải tuân theo chế độ, chính sách tài chính kế toán của nhà nước.

* Phải xuất phát từ đặc thù về tổ chức quản lý chi phí và yêu cầu cung cấp thông tin chi phí tại công ty.

* Kết hợp hài hòa, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với tiềm năng tri thức của con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung cũng như kế toán chi phí sản xuất nói riêng.

* Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty phải dựa trên kết quả đánh giá những tồn tại hiện nay trong công tác quản lý cũng như công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp.

Để phát huy những ưu điểm đã có đồng thời khắc phục được một số tồn tại trong hạch toán, dưới góc độ là sinh viên thực tập, đã có điều kiện tìm hiểu đặc điểm sản xuất kinh doanh và thực trạng hạch toán tại công ty, em xin có một vài ý kiến nhỏ mong được công ty xem xét, như sau:

*** Ý kiến 1: Xây dựng quy chế về chuyển chứng từ gốc từ các đội xây dựng về phòng kế toán**

- Việc tập hợp chứng từ gốc nhất là đối với những công trình thi công xa trụ sở công ty thường chậm dẫn đến việc phản ánh các khoản chi phí phát sinh không kịp thời, dễ gây ra sự nhầm lẫn sai sót trong khi hạch toán. Các số liệu về tình hình chi phí thực tế không được cung cấp kịp thời cho công tác quản lý. Để khắc phục tình trạng này, phòng tài chính - kế toán của công ty cần có những quy định về thời gian giao nộp chứng từ gốc nhất là đối với những công trình thi công xa trụ sở công ty (Ví dụ phòng tài chính kế toán quy định chứng từ phát sinh ở tháng nào thì đến cuối tháng kế toán đội xây dựng phải giao nộp chứng từ gốc về phòng kế toán công ty) để tránh trường hợp chi phí phát sinh tháng này (kỳ này), tháng sau (kỳ sau) mới được hạch toán.

*** Ý kiến 2 : Hoàn thiện kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Theo quyết định 1864/1998 BTC- Hệ thống kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp xây lắp chỉ được hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Đối với công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp, việc áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành theo phương pháp trực tiếp là hoàn toàn phù hợp với chế độ kế toán quy định. Tuy nhiên, trong quá trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của công ty còn tồn tại một số vấn đề.

Do địa bàn hoạt động của công ty trải rộng khắp cả nước nên công ty giao quyền chủ động cho đội trưởng (chỉ huy trưởng công trình), cán bộ kỹ thuật ...tự lập kế hoạch mua sắm vật tư theo tiến độ thi công và nhu cầu sử dụng vật tư phục vụ kế hoạch thi công công trình dưới sự giám sát của thủ kho công trường. Tại trụ sở của công ty không bố trí kho vật liệu mà kho vật liệu được bố trí tại chân công trình. Do vậy, khi có nhu cầu về vật tư phục vụ cho sản xuất, đội trưởng tiến hành mua vật tư, chứng từ là các hóa đơn GTGT gửi về phòng Tài chính - kế toán.

Phòng Tài chính- kế toán của công ty thực hiện theo dõi vật tư xuất dùng vào từng công trình theo các hóa đơn GTGT để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng cho công trình. Kế toán tổng hợp giá trị nguyên vật liệu trên các hóa đơn vào tài khoản 621 - chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Như vậy, tất cả nguyên vật liệu trên các hóa đơn mua về trong tháng kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho tại chân công trình, phiếu xuất kho nguyên vật liệu dùng trong tháng, lên bảng kê xuất vật tư sử dụng- tức là chỉ theo dõi được chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng trên chứng từ mà không theo dõi được tình hình sử dụng thực tế nguyên vật liệu. Nếu nguyên vật liệu dùng không hết lúc đó chi phí nguyên vật liệu hạch toán vào TK 621 sẽ nhiều hơn so với thực tế sử dụng. Ngoài ra, trong bộ máy kế toán của công ty không bố trí kế toán riêng về nguyên vật liệu trong khi chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (Khoảng 60% đến 70%). Như vậy, việc xuất vật tư theo phiếu xuất kho cũng chỉ kiểm tra được tình hình sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp theo kế hoạch mà không theo dõi được tình hình sử dụng vật liệu thực tế.

Để giám sát tình hình sử dụng vật liệu theo định mức khoán tránh tình trạng lãng phí vật liệu, định kỳ công ty nên cử các cán bộ kế toán đi kiểm tra số vật liệu đã sử dụng, khối lượng công việc đã hoàn thành trên cơ sở vật liệu đối chiếu với định mức khoán và yêu cầu chỉ huy trưởng, thủ kho công trường cùng với đại diện của công ty phải thực hiện kiểm kê kho vật tư tại chân công trình, lập biên bản kiểm kê vật tư.

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Công trình: Nhà máy thép Cán Thanh- Hòa phát

Thời điểm kiểm kê: 26/03/2010

Thành viên trong ban kiểm kê:

- Ông Nguyễn văn Thành : trưởng ban
- Ông Vũ hữu Báu: Đội trưởng
- Bà Nguyễn thị Chung: Thủ kho

Tên vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch	
			SL	TT	SL	TT	Thừa	Thiếu
Gạch tuylen	viên	458.8	32,000	14,681,710	32,000	14,681,710		
Cây chống tròn	m	164,600	1,500	246,900,000	1,500	246,900,000		
Gỗ đà nẹp	m	109,091	1,000	109,090,900	1,000	109,090,900		
			...					
Cộng				1,014,298,042		1,014,298,042		

Đã kiểm kê vật tư tại chân công trình có những vật tư dưới đây:

Đội trưởng

Trưởng ban

Thủ kho

*** Ý kiến 3: Công ty nên tiến hành phân tích chỉ tiêu giá thành sản phẩm, tìm ra nguyên nhân tăng giảm giá thành sản phẩm để có thể có biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.**

Nếu công ty phân tích được giá thành sản phẩm vào cuối mỗi kỳ thì có thể kiểm soát tốt chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Từ đó, có thể đưa ra những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế sự lãng phí trong thi công.

Trên đây là một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, để thực hiện được những giải pháp trên công ty còn phải căn cứ vào nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Trên thực tế, trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay với xu thế hội nhập và phát triển, để kế toán ngày càng trở thành một công cụ quản lý kinh tế, tài chính hữu hiệu đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng cả về phía nhà nước và các doanh nghiệp.

Về phía Nhà nước : Phải tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc thỏa mãn các chuẩn mực quốc tế về kế toán , phù hợp các nguyên tắc và thông lệ có tính phổ biến của kế toán các nước có nền kinh tế phát triển. Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

Về phía các doanh nghiệp : Phải thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ cho các nhân viên kế toán để có thể kịp thời thay đổi tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình phù hợp với chế độ kế toán.

Đây là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế, đưa Việt Nam hội nhập với thế giới.

KẾT LUẬN

Trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng, kế toán giữ một vai trò quan trọng trong công tác quản lý tài chính.

Để phát huy hơn nữa vai trò, hiệu lực của kế toán, công tác kế toán luôn được cải tiến và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp cũng như yêu cầu quản lý của Nhà nước.

Trong thời gian thực tập, em đã có điều kiện tìm hiểu việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp. Được sự hướng dẫn nhiệt tình của Giáo viên hướng dẫn-Thạc Sĩ Phạm Văn Tường và các cô chú trong phòng Kế toán-Tài chính của công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp em đã hoàn thành luận văn này với đề tài " Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp". Kết hợp với những lý luận đã được học ở trường với việc tìm hiểu thực tế tổ chức hoạt động sản xuất và công tác kế toán, luận văn đã nêu được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mặc dù em đã cố gắng rất nhiều, nhưng do thời gian thực tập và trình độ năng lực có hạn nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm góp ý và chỉ bảo của các thầy, cô giáo trong khoa cũng như các cô chú trong phòng Tài chính - kế toán Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin bày tỏ sự biết ơn chân thành tới Giáo viên hướng dẫn - Thạc Sĩ Phạm Văn Tường, các thầy cô giáo bộ môn cùng các cô chú trong phòng Tài chính - kế toán công ty TNHH thương mại và xây dựng Đại Hợp đã giúp em hoàn thiện luận văn này.

Sinh viên

Nguyễn thị thu Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính trong doanh nghiệp
Chủ biên: T.S Nguyễn Văn Công
(Nhà xuất bản tài chính -2006)
2. Hệ thống kế toán doanh nghiệp xây lắp
Chủ biên: PTS. Phùng Thị Đoan
(Nhà xuất bản tài chính)
3. Kế toán quản trị
Chủ biên: PGS.TS Đặng Thị Thanh
TS. Đào Duy Tiên
4. 400 sơ đồ tài khoản kế toán
Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Công
(Nhà xuất bản tài chính -1999)
5. Chuẩn mực kế toán Việt Nam
6. Các tài liệu của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đại Hợp

